**KẾ HOẠCH BÀI DẠY TUẦN 4**

***Thời gian thực hiện: Thứ hai ngày 27 tháng 9 năm 2021***

**Tập đọc**

**TIẾT 7. MỘT NGƯỜI CHÍNH TRỰC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Đọc rành mạch, trôi chảy, ngắt, nghỉ hơi đúng sau các dấu câu, giữa các cụm từ, nhấn giọng ở các từ ngữ gợi tả, gợi cảm; Đọc diễn cảm toàn bài, thể hiện giọng đọc phù hợp với nội dung, nhân vật.

- Hiểu ND, ý nghĩa truyện : Ca ngợi sự chính trực, thanh liêm, tấm lòng vì dân vì nước của Tô Hiến Thành - vị quan nổi tiếng cương trực thời xưa. (thông qua trả lời các câu hỏi trong SGK)

- Phát triển năng lực tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo khi tự luyện đọc và tìm hiểu câu trả lời cho các câu hỏi trong bài, sử dụng ngôn ngữ gần gũi, dễ hiểu; Biết tham gia thảo luận nhóm cùng các bạn tìm hiểu những nội dung kiến thức trong bài đọc; Giáo dục HS học tập đức tính trung thực, thật thà, biết sống ngay thẳng và tôn trọng những người chính trực.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Đọc được bài tập đọc “ Một người chính trực ”.

- Nghe và hiểu nội dung bài Tập đọc.

- HS có ý thức rèn đọc và học bài.

**\*GDKNS:** Xác định giá trị; Nhận thức về bản thân, tư duy phê phán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Tranh minh họa SGK; câu, đoạn cần luyện đọc.

**2. Học sinh:** SGK, vở ô ly, bút.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu (5’)**  **\* Khởi động:**  - 2 học sinh đọc bài: Người ăn xin, trả lời câu hỏi:  - Hình ảnh ông lão đáng thương như thế nào?  - Nêu nội dung chính của bài.  -HS cùng hát: Đội ca  - GV chiếu tranh, giới thiệu chủ điểm *Măng mọc thẳng* và bài học  - Giáo viên giới thiệu chủ điểm: “Măng mọc thẳng”: Măng non là biểu tượng của thiếu nhi, của đội viên Thiếu niên tiền phong, cũng là biểu tượng cho tính trung thực, vì bao giờ măng cũng mọc thẳng. Thiếu nhi là thế hệ măng non của đất nước, cần trở thành những con người trung thực.  **\* Kết nối**: Giáo viên giới thiệu bài: Đây là một cảnh trong truyện… Tô Hiến Thành - vị quan đứng đầu triều Lý. Ông là người như thế nào ? Chúng ta cùng học bài hôm nay. | - 2HS đọc bài.  - Ông lão:  +già lọm khọm  +đôi mắt đỏ đọng, giàn giụa nước mắt  +đôi môi tái nhợt  +quần áo tả tơi  +tay sưng húp bẩn thỉu  +giọng rên rỉ cầu xin  - Ca ngợi cậu bé có tấm lòng nhân hậu, biết đồng camt thương xót trước nỗi bất hạnh của ông lão ăn xin nghèo khổ.  - HS cùng hát  - Quan sát tranh và lắng nghe.  - Lắng nghe. | Theo dõi  Hát cùng bạn.  Lắng nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (30’)**  **\*Khám phá:**  **a. Hoạt động 1: Luyện đọc** | |  |
| - 1 HS đọc cả bài.  - Chia đoạn:  - Gọi 3 HS đọc nối tiếp lần 1:  + Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho HS  - Gọi 3HS đọc nối tiếp lần 2:  + Giải nghĩa từ  *+ Em hãy đặt câu với từ chính trực.*  *+ Em hiểu thế nào là người tài ba?*  + Hướng dẫn đọc đoạn, câu dài:  - 3 HS đọc nối tiếp đoạn lần 3:  - HS luyện đọc nối tiếp theo nhóm bàn.  - Gv đọc mẫu cả bài: Giọng thong thả, rõ ràng. Lời của Tô Hiến Thành điềm đạm, dứt khoát, thể hiện thái độ kiên định. | - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - TBHT điều hành cách chia đoạn  - Bài có 3 đoạn:  Đoạn 1: Tô Hiến Thành....Lý cao Tông.  Đoạn 2: Phò tá ...... Tô Hiến Thành được.  Đoạn 3: Một hôm......Trần Trung Tá.  - 3 HS đọc nối tiếp.  *- đút lót, di chiếu, giường gián nghị, ngạc nhiên,...*  - 3HS đọc nối tiếp lần 2  - HS đọc chú giải trong SGK.  - Đặt câu  *“Còn gián nghị đại phu Trần Trung Tá/ do bận nhiều công việc/ nên không mấy khi đến thăm Tô Hiến Thành được.”*  - Nhận xét.  **-** Lắng nghe. | Đọc thầm  HS nhắc lại.  Theo dõi  Luyện đọc  Đọc thầm  Lắng nghe |
| **b. Hoạt động 2: Tìm hiểu bài:** | |  |
| - Đọc đoạn 1  *+ Tô Hiến Thành làm quan triều nào ?*  *+ Mọi người đánh giá ông là người như thế nào ?****-KNS***  - GV hỗ trợ TBHT lên điều hành lớp chia sẻ kết quả trước lớp:  *+ Trong việc lập ngôi vua, sự chính trực của Tô Hiến Thành thể hịên như thế nào?* ***-KNS***  **GVKL:** Với cương vị của ông , nếu là một tham quan thì ông đã nhận vàng bạc đút lót đưa Long Xưởng lên làm vua, không làm theo di chiếu.Nhưng ông đã không làm như thế chứng tỏ ông là người chính trực.  + Đoạn 1 kể về điều gì ?  *+ Khi Tô Hiến Thành ốm nặng ai là người chăm sóc ông ?*  *+ Còn Gián nghị đại phu thì sao?*  *+ Đoạn 2 nói đến ai?*  - Thảo luận nhóm đôi – TLCH  *+ Đỗ Thái Hậu hỏi ông điều gì?*  *+ Tô Hiến Thành đã tiến cử ai thay ông đứng đầu triều đình?*  *+ Vì sao Đỗ Thái Hậu lại ngạc nhiên khi ông tiến cử Trần Trung Tá?* ***- RKNS***  *+ Trong việc tìm người giúp nước sự chính trực của ông Tô Hiến Thành được thể hiện như thế nào ?*  *+ Vì sao nhân dân ca ngợi những người chính trực như ông?*  ***- KNS***  **GVKL:** Nhân dân luôn ca ngợi và biết ơn những người có tấm lòng chính trực , ngay thẳng như Tô Hiến Thành. Chính nhờ có những con người như vậy mà đất nước ta mới bền vững cho đén ngày nay.  *+ Đoạn 3 kể điều gì?*  *+ Qua câu chuyện trên tác giả muốn ca ngợi điều gì?*  **\* GDKNS**: *Trong cuộc sống, chúng ta cần có tấm lòng chính trực và phê phán những hành vi vụ lợi, gian dối* | - 1 HS đọc đoạn, lớp đọc thầm.  *+ Tô Hiến Thành làm quan triều Lý.*  *+ Ông là người nổi tiếng chính trực.*  - 1 HS đọc 3 câu hỏi cuối bài  - Nhóm trưởng điều hành nhóm mình thảo luận để trả lời câu hỏi  *+ Tô Hiến thành không chịu nhận vàng đút lót để làm sai di chiếu của vua. Ông cứ theo di chiếu mà lập Thái tử Long Cán.*  **1. Thái độ chính trực của Tô Hiến Thành trong việc lập ngôi vua**  *+ Quan Tham tri chính sự ngày đêm hầu hạ bên giường bệnh.*  *+ Do bận quá nhiều việc nên không đến thăm ông được*.  **2. Tô Hiến Thành lâm bệnh và có Vũ Tán Đường hầu hạ.**  - HS thảo luận – TBHT điều hành báo cáo  *+ Hỏi ai sẽ thay ông làm quan nếu ông mất.*  *+ Ông tiến cử quan Gián Nghị Đại Phu Trần Trung Tá.*  *+ Vì bà thấy Vũ Tán Đường ngày đêm* *hầu hạ bên giường bệnh, tận tình chăm sóc mà lại không được ông tiến cử*  *+ Ông cử người tài ba đi giúp nước chứ không cử người ngày đên chăm sóc hầu hạ mình.*  *+ Vì ông quan tâm đến triều đình, tìn người tài giỏi để giúp nước , giúp dân. Vì ông không màng danh lợi, vì tình riêng mà tiến cử Trần Trung Tá.*  -Lắng nghe.  **3. Kể chuyện Tô Hiến Thành tiến cử người tài giỏi giúp nước.**  - HS nêu ý nghĩa của bài đọc:  ***\* Câu chuyện ca ngợi sự chính trực, tấm lòng vì dân, vì nước của vị quan Tô Hiến Thành.***  - HS ghi vào vở – nhắc lại ý nghĩa | HS nhắc lại.  Theo dõi  HS nhắc lại.  Lắng nghe  Theo dõi  Lắng nghe, hiểu.  Lắng nghe  Theo dõi  Lắng nghe. |
| **c. Luyện đọc diễn cảm:** | |  |
| - 1 HS đọc cả bài  - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - 3HS đọc nối tiếp 3 đoạn.  - Luyện đọc phân vai đoạn đối thoại giữa Thái hậu và Tô Hiến Thành : người dẫn chuyện, Đỗ Thái Hậu, Tô Hiến Thành  + Học sinh đọc diễn cảm trong nhóm bàn. Thi đọc diễn cảm.  - 2 nhóm học sinh thi đọc diễn cảm trước lớp.  - Nhận xét học sinh đọc hay nhất theo tiêu chí sau:  + Đọc đúng bài, đúng tốc độ chưa?  + Đọc ngắt nghỉ hơi đúng chưa?  + Đọc đã diễn cảm chưa?  + Bình chọn bạn có giọng đọc hay.  - Giáo viên tuyên dương.  **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (5’)**  - Qua bài đọc giúp các em hiểu điều gì ?  - Em biết về ai hoặc câu chuyện nào nói về người có tấm lòng ngay thẳng ?  - Qua câu chuyện, em học tập được điều gì?  **\* Củng cố, dặn dò:**  - Gọi 1 HS nêu lại nội dung bài.  - GV nhận xét tiết học, HD chuẩn bị bài sau: Tre Việt Nam | - Lắng nghe.  - Giọng thong thả, rõ ràng. Lời của Tô Hiến Thành điềm đạm, dứt khoát, thể hiện thái độ kiên định....  - Lời Thái hậu: ngạc nhiên...  - 3 HS đọc  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc phân vai.  + Phân vai trong nhóm  + Luyện đọc phân vai trong nhóm.  - Thi đọc phân vai trước lớp: Các nhóm thi đọc phân vai trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS nêu suy nghĩ của mình  - Tìm đọc các câu chuyện cùng chủ đề trong sách Truyện đọc 4.  - *Trong cuộc sống, chúng ta cần có tấm lòng chính trực và phê phán những hành vi vụ lợi, gian dối.*  - 1HS nêu | Lắng nghe  HS đọc  Theo dõi bạn đọc  Nhận xét bạn đọc.  HS nêu.  HS lắng nghe.  Lắng nghe, TH ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán**

**TIẾT 16. SO SÁNH VÀ XẾP THỨ TỰ CÁC SỐ TỰ NHIÊN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Bước đầu hệ thống hóa một số hiểu biết ban đầu về so sánh hai số tự nhiên, xếp thứ tự các số tự nhiên; Biết viết so sánh chính xác được các số tự nhiên và biết sắp theo đúng thứ tự.

- Phân tích được đề bài, kiểm tra bài làm của mình và nhận xét được bài làm của bạn; Trình bày được bài làm của mình và giải thích kết quả theo câu hỏi của cô giáo.

- Có trách nhiệm hoàn thành các bài tập được giao; HS có thái độ học tập tích cực, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác khi làm bài.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Biết so sánh hai số tự nhiên, xếp thứ tự các số tự nhiên;

- Biết viết so sánh chính xác được các số tự nhiên và biết sắp theo đúng thứ tự.

- HS nghiêm túc học bài.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Bảng phụ viết sẵn nội dung bài tập 1.

**2. Học sinh:** SGK, vở ô ly, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. HĐ mở đầu (5’)**  **\* Khởi động:**  - Trò chơi: Ai nhanh, ai đúng?  - GV đọc số 234 567 129  345 278 923  34 000 091  367 000 002  **\* Kết nối**: Dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia chơi  - 3 tổ cử đại diện lên bảng viết số  - Tổ nào viết đúng và nhanh là tổ chiến thắng  - Lắng nghe. | HS tham gia chơi cùng bạn  Lắng nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (12’)** | | |
| **\* Khám phá**  ***a. So sánh 2 STN.***  \* GV nêu VD 1:  - So sánh 2 số 99 và 100  *+ Căn cứ vào đâu để em so được như vậy?*  - *GV Kết luận: Khi so sánh 2 STN, số nào có nhiều chữ số hơn thì số đó lớn hơn và ngược lại*  \* GV nêu VD2:  So sánh 29 896 và 30 005  25 136 và 23 894  +*Vì sao em so sánh được như vậy ?*  *- GV kết luận: Khi so sánh 2 STN có số chữ số bằng nhau, ta so sánh các cặp số ở cùng 1 hàng, bắt đầu từ hàng cao nhất.*  \* GV nêu dãy số tự nhiên: 0 , 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9...  *+Số đứng trước so với số đứng sau thì ntn? Và ngược lại?*  ***b. Xếp thứ tự các số tự nhiên.***  - Gv nêu 1 nhóm số tự nhiên.  7698 ; 7968 ; 7896 ; 7869  *+ Vì sao ta xếp được các số tự nhiên theo thứ tự?*  ***\**** *GVKL cách sắp thứ tự:*  *+ B1: So sánh các STN.*  *+B2: Xếp theo thứ tự yêu cầu.*  *+ Lưu ý: Có thể có những thuật ngữ như xếp theo thứ tự tăng dần hay xếp theo tứ tự giảm dần, các em hiểu để làm bài nhé.* | - HS thảo luận nhóm 2, nêu cách so sánh  - HS: 99 < 100 ; 100 > 99  Và giải thích tại sao mình lại so sánh như vậy  - HS nhắc lại.  - HS lấy VD và tiến hành so sánh.  - HS làm việc nhóm 4 dưới sự điều hành của nhóm trưởng và báo cáo kết quả trước lớp  - Hs trả lời: 29 896 < 30 005  25 136 > 23 894  + Hs đại diện nêu: *Ta so sánh các cặp chữ số ở cùng hàng...*  - HS nêu lại và lấy VD, thực hiện so sánh.  - HS nhắc lại.  *+ Hai số tự nhiên liền kề nhau hơn (kém) nhau 1 đơn vị.*  - Hs sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn: 7698 < 7869 < 7896 < 7968  *+ Vì ta luôn so sánh được các STN với nhau.*  - Lắng nghe. | Thực hiện cùng bạn.  HS nhắc lại.  Làm việc nhóm  Theo dõi  Lắng nghe  HS nhắc lại.  Theo dõi  Lắng nghe. |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập (18’)** | |  |
| **Bài 1(cột a)**:  **Cá nhân -Lớp**  Điền dấu > ; < ; = .  - Câu hỏi chốt:  *+ Tại sao em so sánh được*  *1234>999?*  *93 501 > 92 410*  *+ Muốn so sánh 2 STN ta làm thế nào ?*  ***GV kết luận****: Muốn so sánh hai số tự nhiên ta so sánh số các chữ số. Nếu số các chữ số giống nhau ta so sánh từng cặp chữ số với nhau bắt đầu từ hàng cao đến hàng thấp.*  **Bài 2:** **Cá nhân – Lớp**  Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn.  *+Nêu cách xếp thứ tự các số tự nhiên ?*  ***GV kết luận****: Muốn sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn ta so sánh các số cần sắp xếp với nhau rồi số bé viết trước rồi lớn viết sau. Thứ tự từ bé đến lớn người ta còn gọi theo thứ tự tăng dần.*  **Bài 3: Cá nhân-Lớp**  Viết các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé.  - Yêu cầu HS chốt cách sắp thứ tự  ***GV kết luận****: Muốn sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé ta so sánh các số cần sắp xếp với nhau rồi số bé viết trước rồi lớn viết sau. Thứ tự từ lớn đến bé người ta còn gọi theo thứ tự giảm dần.*  **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (5’)**  - GV đưa bài tập.  - Yêu cầu học sinh đọc yêu cầu.  + Mỗi phần x thỏa mãn mấy yêu cầu, là những yêu cầu nào?  -Yêu cầu HS làm bài cá nhân.  -Nêu miệng kết quả bài làm.  - Cùng HS nhận xét chốt kết quả đúng.  ***GV kết luận***: *Để làm được dạng bài tập này các em cần xác định kĩ, để tìm x đúng thì x phải thỏa mãn những yêu cầu nào để chọn giá trị của x cho phù hợp.*  **5. Củng cố dặn dò *(2p)***  - GV hệ thống bài.  - Nhận xét giờ học. | - HS làm cá nhân - Chia sẻ cặp đôi - Chia sẻ kết quả trước lớp  1234 > 999 35 784 < 35 780  8754 < 87 540 92 501 > 92 410  39 680 = 39 000 + 680  17600 = 17000 + 600  - Lắng nghe.  - HS nêu.  *Muốn so sánh hai số tự nhiên ta so sánh số các chữ số. Nếu số các chữ số giống nhau ta so sánh từng cặp chữ số với nhau bắt đầu từ hàng cao đến hàng thấp.*  - HS làm cá nhân- Chia sẻ trước lớp  a. 8136 < 8 316 < 8 361  b. 5 724 < 5 740 < 5 742  c. 63 841 < 64 813 < 64 831  *- Muốn sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn ta so sánh các số cần sắp xếp với nhau rồi số bé viết trước rồi lớn viết sau. Thứ tự từ bé đến lớn người ta còn gọi theo thứ tự tăng dần.*  - HS làm cá nhân- Chia sẻ trước lớp.  - 2 hs lên bảng, lớp làm vào vở.  a. 1984 > 1978 > 1952 > 1942  b. 1969 > 1954 > 1945 > 1890.  Bài tập:  a)Tìm số tự nhiên x, biết:  145 < x <150  b)Tìm số chẵn x , biết:  200 < x < 210  c)Tìm số tròn chục x, biết  450 < x <510  - Ghi nhớ nội dung bài học  - Làm VBT toán. | Làm bài theo HD  HS chữa bài.  Lắng nghe.  HS nhắc lại.  HS làm bài theo HD.  Lắng nghe  Làm bài theo hướng dẫn.  Theo dõi  Ghi nhớ ND bài học |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Khoa học**

**TIẾT 7. TẠI SAO CẦN ĂN PHỐI HỢP NHIỀU LOẠI THỨC ĂN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- HS hiểu được để có sức khoẻ tốt phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn và thường xuyên thay đổi món; Hiểu về tháp dinh dưỡng: cần ăn đủ các nhóm thức ăn chứa nhiều chất bột đường, nhóm chứa nhiều vi-ta-min và chất khoáng; ăn vừa phải nhóm thức ăn chứa nhiều chất đạm; ăn có mức độ nhóm chứa nhiều chất béo; ăn ít đường và hạn chế muối.

- Biết phân loại thức ăn theo nhóm chất dinh dưỡng; Biết cách chọn lựa các loại thức ăn tốt cho sức khoẻ và cân đối theo tháp dinh dưỡng; Năng lực giải quyết vấn đề khi biết phối hợp nhiều loại thức ăn và thường xuyên thay đổi món.

- Phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác nhóm phân loại thức ăn theo nhóm chất dinh dưỡng, chọn lựa các loại thức ăn tốt cho sức khoẻ và cân đối theo tháp dinh dưỡng; Ăn uống đầy đủ và đa dạng thực phẩm để có đầy đủ chất dinh dưỡng.

**\* GDKNS:**

- Tự nhận thức về sự cần thiết phối hợp các loại thức ăn

- Bước đầu tự phục vụ khi lựa chọn các loại thực phẩm phù hợp cho bản thân và có lợi cho sức khỏe.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- HS biết được để có sức khoẻ tốt phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn và thường xuyên thay đổi món.

- Biết cách chọn lựa các loại thức ăn tốt cho sức khoẻ và cân đối theo tháp dinh dưỡng.

- HS có ý thức uống đầy đủ và đa dạng thực phẩm để có đầy đủ chất dinh dưỡng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Các hình minh hoạ ở trang 16, 17 / SGK; Bảng nhóm.

**2. Học sinh:** Bút vẽ, bút màu, SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của của học sinh** | **HSKT** |
| **1, Hoạt động mở đầu (**5’)  \* **Khởi động:**  - Trò chơi: Tôi chứa viatamin gì?  **\* Kết nối**: GV chốt KT, dẫn vào bài mới:  - GV hỏi:  *+ Hằng ngày các em thường ăn những loại thức ăn nào?*  *+ Nếu ngày nào cũng phải ăn một món em cảm thấy thế nào ?*  *=> Ngày nào cũng ăn những món ăn giống nhau thì chúng ta không thể ăn được và có thể cũng không tiêu hoá nổi. Vậy bữa ăn như thế nào là ngon miệng và đảm bảo dinh dưỡng? Chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay.* | - HS chơi theo tổ  - 1 HS cầm tấm thẻ có ghi tên thực phẩm, chỉ định 1 HS khác nói tên vitamin có trong loại thực phẩm đó  - HS nhận xét, đánh giá  + *Hằng ngày các em thường ăn những loại thức ăn cá, thịt, tôm, hoa quả.....*  *+ Em cảm thấy chán, không muốn ăn...*  - Lắng nghe. | HS tham gia chơi cùng bạn.  Lắng nghe.  HS nêu.  Lắng nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (30’)**  **\* Khám phá:**  **HĐ1: Thảo luận về sự cần thiết phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn và thường xuyên thay đổi món**: | |  |
| - Yêu cầu thảo luận theo nhóm 4.  *+ Tại sao chúng ta nên ăn phối hợp nhiều loại thức ăn và thường xuyên thay đổi món?* ( Kỹ năng nhận thức)  - GV theo dõi, giúp đỡ nếu HS gặp khó khăn, GV có thể đưa ra câu hỏi phụ.  - TBHT điều khiển lớp báo cáo dưới sự hướng dẫn của GV.  *+ Nhắc lại tên một số thức ăn mà các em thường ăn?*  *+ Nếu ngày nào cũng ăn một vào món cố định em sẽ thấy thế nào?*  *+ Có loại thức ăn nào chứa đầy đủ tất cẩ các chất dinh dưỡng không?*  *+ Điều gì sẽ xảy ra nếu chúng ta chỉ ăn thịt cá mà không ăn rau?*  *+ Vì sao phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn và thường xuyên thay đổi món?*  **\*GV kết luận**: Để đáp ứng như cầu dinh dưỡng đa dạng, phức tạp của cơ thể, giúp ta ăn ngon miệng hơn và quá trình tiêu hoá diễn ra tốt hơn.  **HĐ2: Làm việc với SGK tìm hiểu tháp dinh dưỡng cân đối.**  Bước 1: Làm việc cá nhân:  + YC HS nghiên cứu tháp dinh dưỡng dành cho người lớn.  \* Bước 2: Làm việc theo cặp:  - GV yêu cầu hai HS thay phiên đặt câu hỏi và trả lời:  *+ Nhóm thức ăn nào cần ăn đủ?*  *+ Nhóm nào cần ăn vừa phải hoặc có mức độ?*  *+ Thức ăn nào chỉ nên ăn ít hoặc hạn chế?*  \* Bước 3: Làm việc cả lớp:  - GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả làm việc theo cặp dưới dạng đố vui.  \* **Lưu ý**: HS có thể đố ngược lại: Ví dụ người được đố đưa ra tên một loại thức ăn và yêu cầu người trả lời nói xem thức ăn đó cần được ăn như thế nào.  *+ Khi ăn các thức ăn chúng ta cần lưu ý điều gì?*  **\*GV kết luận:** Một bữa ăn có nhiều loại thức ăn đủ nhóm: bột đường, đạm, chất béo, vi-ta-min, khoáng và chất xơ với tỉ lệ hợp lí như tháp dinh dưỡng cân đối chỉ dẫn là một bữa ăn cân đối.  **3. Hoạt động ứng dụng**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Đi chợ:  Bước 1: GV hướng dẫn cách chơi.  - GV cho HS thi xem ai là người đầu bếp giỏi biết chế biến món ăn tốt cho sức khỏe. Hãy lên thực đơn cho một ngày ăn hợp lí và giải thích tại sao em lại chọn thức ăn này ( có thể kể hoặc vẽ, viết các thức ăn, đồ uống hằng ngày.)  Bước 2: Tổ chức cho HS chơi.  - GV phát phiếu thực đơn đi chợ cho từng nhóm.  - Yêu cầu các nhóm lên thực đơn và tập thuyết trình từ 5 đến 7 phút  Bước 3:  - Gọi đại diện các nhóm lên trình bày  - GV và HS nhận xét sự lựa của ai phù hợp, có lợi cho sức khoẻ.  - Nhận xét, khen, tổng kết trò chơi  **\*GV kết luận***:* GD KNS: Biết cách chọn lựa thức ăn và tự phục vụ bản thân các món ăn đơn giản phù hợp và có lợi cho sức khỏe.  **\* Củng cố dặn dò:**  - 2 HS đọc lại mục bạn cần biết SGK/17.  - GV nhận xét tiết học, dặn dò HS. | **-** HS thảo luận nhóm 4 dưới sự điều hành của nhóm trưởng  - Đại diện báo cáo câu TL.  *+ Thịt, hay cá,…*  *+ Em cảm thấy chán, không muốn ăn, không thể ăn được.*  *+ Không có loại thức ăn nào chứa đầy đủ các chất dinh dường cả.*  *+ Sẽ không đủ chất, cơ thể không hoạt động bình thường được…*  *+ Giúp cơ thể nay đủ chất dinh dưỡng…*  - 2 HS đọc to mục Bạn cần biết trang 17 / SGK.  - HS nghiên cứu tháp dinh dưỡng  - HS hỏi đáp nhóm đôi  *+ nhóm tinh bột và rau xanh, quả chín.*  *+ thịt cá, dầu mỡ và đường*  *+ muối*  - Các nhóm chia sẻ kết quả trước lớp, lớp nhận xét, bổ sung  - HS tham gia chơi trò chơi dưới sự hướng dẫn của GV và sự điều hành của TBHT  - HS tham gia chơi sẽ giới thiệu trước lớp những thức ăn, đồ uống mà mình lựa chọn cho từng bữa và giải thích tại sao lại chọn món ăn đó.  - HS nêu: Ăn qua chế biến, ko ăn những thực phẩm ôi thiu..  - Lắng nghe hướng dẫn.  - HS tham gia chơi  - Nhận mẫu thực đơn, hoàn thành mẫu thực đơn.  **PHIẾU HỌC TẬP**  **NHÓM........**  ***THỰC ĐƠN TRONG NGÀY***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Sáng** | **Trưa** | **Chiều** | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  |   - Xây dựng thực đơn cho mỗi ngày ăn hợp lí với đầy đủ các nhóm chất dinh dưỡng.  - HS đọc.  - Chuẩn bị bài sau. | TLN cùng bạn.  Theo dõi  HS nêu  HS nêu  Lắng nghe.  HS đọc.  HS nghiên cứu tháp dinh dưỡng  Hỏi đáp nhóm đôi.  Theo dõi bạn.  Lắng nghe.  Nghe cách chơi.  HS tham gia chơi.  Tự xây dựng thực đơn cho mình.  Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Đạo đức**

**BÀI 2. VƯỢT KHÓ TRONG HỌC TẬP (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Nêu được ví dụ về sự vượt khó trong học tập.

- Hiểu được được vượt khó trong học tập giúp em học tập mau tiến bộ.

- Lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch để vượt khó trong học tập; GDHS biết quý trọng và học tập những tấm gương biết vượt khó trong cuộc sống và trong học tập.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Nêu được ví dụ về sự vượt khó trong học tập.

- Hiểu được được vượt khó trong học tập giúp em học tập mau tiến bộ.

- GDHS biết quý trọng và học tập những tấm gương biết vượt khó trong cuộc sống và trong học tập.

\***GDKNS:**

- Lập kế hoạch vượt khó trong học tập

- Tìm kiếm sự hỗ trợ, giúp đỡ của thầy cô, bạn bè khi gặp khó khăn trong học tập

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Các mẩu chuyện, tấm gương vượt khó trong học tập.

**2. Học sinh:** VBT Đạo đức, các câu chuyện,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1.Hoạt động mở đầu: (5’)**  **\* Khởi động:**  - MờiHS kể câu chuyện đã sưu tầm về tấm gương vượt khó trong học tập.  - Nhận xét, khen HS.  **\* Kết nối**: GV dẫn dắt vào bài mớ. | - 2HS kể.  - HS lắng nghe. | Theo dõi  Lắng nghe. |
| **2.Hoạt động thực hành, luyện tập:***(30p)* | |  |
| **HĐ 1: Thảo luận nhóm** (BT 2- trang 7)  + Yêu cầu HS đọc tình huống trong bài tập 2- SGK.  - GV giảng giải những ý kiến mà HS thắc mắc.  - **GV kết luận:** trước khó khăn của bạn Nam, bạn có thể phải nghỉ học, chúng ta cần phải giúp đỡ bạn bằng nhiều cách khác nhau.Vì vậy mỗi bản thân chúng ta cần phải cố gắng khắc phục vượt qua khó khăn trong học tập, đồng thời giúp đỡ các bạn khác để cùng vượt qua khó khăn.  **HĐ 2: Làm việc nhóm đôi** (BT3- SGK /7)  - GV giải thích yêu cầu bài tập.  - YC HS thảo luận theo nhóm đôi làm bài.  - GV cho HS trình bày trước lớp.  - GV kết luận và khen những HS đã biết vượt qua khó khăn học tập.  **HĐ 3: Làm việc cá nhân** (BT 4- SGK/ 7)  - GV nêu và giải thích yêu cầu bài tập:  + Nêu một số khó khăn mà em có thể gặp phải trong học tập và những biện pháp để khắc phục những khó khăn đó theo mẫu- GV giơ bảng phụ có kẻ sẵn như SGK.  - GV ghi tóm tắt ý kiến HS lên bảng.  - GV kết luận, khuyến khích HS thực hiện những biện pháp khắc phục những khó khăn đã đề ra để học tốt.  ***\*Giáo dục KNS: Mỗi bạn cần có kế hoạch vượt khó trong học tập và nhờ sự giúp đỡ từ thầy cô, bạn bè***  **3. Hoạt đông vận dụng, trải nghiệm (4’)**  - Thực hiện những biện pháp đã đề ra để vượt khó khăn trong học tập; động viên, giúp đỡ các bạn gặp khó khăn trong học tập.  **\* Củng cố dặn dò:** (1p)  - GV hệ thống bài  - Nhận xét giờ học  - Giao bài về nhà | **- Các nhóm thảo luận (4 nhóm) và chia sẻ trước lớp**  + Trình bày những khó khăn mà bạn Nam gặp phải  + Biện pháp khắc phục những khó khăn đó  - HS lắng nghe.  - Đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - HS thảo luận theo nhóm đôi.  - HS trình bày trước lớp  - HS lắng nghe.  - HS nêu 1 số khó khăn và những biện pháp khắc phục.  - Cả lớp trao đổi, nhận xét.  - HS cả lớp thực hành.  - Lập kế hoạch vượt khó trong học tập cho bản thân trong học kì I  - HS kể | Lắng nghe  Lắng nghe  Tuân đọc YC  TL cùng bạn  Theo dõi  Đọc YC  Nêu 1 kk  Theo dõi  Hs theo dõi  Hs lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

***Thời gian thực hiện: Thứ ba ngày 28 tháng 9 năm 2021***

**Luyện từ và câu**

**TIẾT 7. TỪ GHÉP VÀ TỪ LÁY**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

-Nắm được hai cách chính cấu tạo từ phức của Tiếng Việt: Ghép nhiều tiếng có nghĩa lại với nhau (từ ghép); phối hợp những tiếng có âm đầu hay vần giống nhau hoặc cả âm đầu và vần giống nhau (từ láy).Nhận biết được từ láy và từ ghép ở phần I (Nhận xét), Hiểu các từ có trong bài tập 1.

- Bước đầu phân biệt được từ ghép với từ láy đơn giản (BT1); tìm được từ ghép, từ láy chứa tiếng đã cho (BT2). Tìm và viết được các từ ghép và từ láy đơn giản, đặt câu với các từ đó. Biết cách sử dụng từ ghép, từ láy trong cuộc sống

- Biết tự tra từ điển hiểu nghĩa của từ, giao tiếp hợp tác nhóm tìn hiểu thêm ngôn ngữ sắp xếp từ vào nhóm phù hợp, năng lực giải quyết vấn đề tìm từ, đặt câu với các từ ngữ vừa tìm được; HS có ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt; Yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Biết được có hai cách chính cấu tạo từ phức của Tiếng Việt: từ ghép, từ láy.

- Bước đầu phân biệt được từ ghép với từ láy đơn giản.

- HS yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Bảng phụ.

**2. Học sinh:** Sách, VBT, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **III. Hoạt động của GV** | | **Hoạt động của HS** | | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu (5’)**  **\* Khởi động:** | | | | |
| - Tổ chức cho HS chơi trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng”.  - GV chia lớp thành 2 nhóm, mỗi nhóm mời 6 HS tham gia. Đưa ra bảng phụ có các từ thuộc nhóm từ đơn và từ phức.  - Các nhóm thi nhau ghép đúng các từ thuộc hai nhóm từ đơn và từ phức. nhóm nào làm nhanh, chính xác là nhóm thắng cuộc.   |  |  | | --- | --- | | Từ đơn | Từ Phức | | Xe, ăn, áo | Xe đạp, bình minh, hoàng hôn |   - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV đưa ra các từ: khéo léo, khéo tay  - Gọi HS đọc  - Em có nhận xét gì về cấu tạo của những từ trên.  - GV nhận xét.  \* Kết nối: GV dẫn vào bài: *Qua hai từ vừa nêu các em đã thấy được sự khác nhau về từ đơn, từ phức. Sự khác nhau đó tạo nên từ ghép và từ láy. Bài học hôm nay cô sẽ giúp các em hiểu thêm về từ ghép và từ láy.* | | - HS tham gia chơi.  - Lắng nghe.  - Hai từ đều là từ phức.  Từ khéo léo: hai tiếng có phần vần và phần thanh giống nhau.  Từ khéo tay: hai tiếng khác nhau về âm, vần, thanh.  - Lắng nghe. | | HS tham gia chơi.  Lắng nghe.  Theo dõi |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (12’)**  **\* Khám phá :** | | | |  |
| **a. Phần nhận xét.**  - Y/c HS đọc to yêu cầu ở phần NX.  - Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi hoàn thành các yêu cầu trong phần I nhận xét.  - TBHT điều khiển nhóm báo cáo  *+Nêu các từ phức trong đoạn thơ?*  *+Từ phức nào do các tiếng có nghĩa tạo thành?*  *+Từ phức nào do các tiếng có âm đầu hoặc vần lặp lại nhau tạo thành?*  -GV nhận xét, tuyên dương phần hoạt động nhóm của cả lớp.  + Từ truyện cổ có nghĩa là gì?  + Em hiểu truyện cổ là gì ?  + Từ phức nào do nhiều tiếng có âm đầu, vần hoặc cả âm đầu và vần giống nhau tạo thành? Chỉ ra bộ phận lặp lại?  ***GV: Những từ do các tiếng có nghĩa ghép lại với nhau gọi là từ ghép. Những từ phối hợp nhũng tiếng có âm đầu hay vần (hoặc cả âm đầu và vần giống nhau đó là từ láy***  + Có mấy cách để tạo từ phức? Đó là những cách nào?  **b. Ghi nhớ:**  ***-*** Thế nào là từ ghép, từ láy, cho VD và đặt câu với từ đó.  - Đưa ra ghi nhớ sách giáo khoa –T39. Yêu cầu học sinh đọc ghi nhớ. | | | - HS đọc  + *Truyện cổ; cha ông; lặng im,thầm thì, chầm chậm, cheo leo, se sẽ.*  + *Truyện cổ, cha ông, lặng im.*  + *Thầm thì; chầm chậm, se sẽ, cheo leo.*  Truyện: Tác phẩm văn học miêu tả nhân vật hay diễn biến của sự kiện  + Cổ: Có từ xa xưa, lâu đời.  + Truyện cổ: Sáng tác văn học có từ thời cổ.  + thầm thì, chầm chậm, heo leo, se sẽ  - *Thì thầm*: lặp lại âm đầu *th.*  - *Chầm chậm*: lặp lại âm đầu *ch* và vần *âm.*  - *Cheo leo*: lặp lại vần *eo.*  + Có hai cách chính để tạo ra từ phức:  + Ghép nhiều tiếng có nghĩa lại với nhau: Từ ghép.  + Phối hợp nhiều tiếng có âm đầu, vần lặp lại: Từ láy.  - HS nêu:  Học sinh: Em là học sinh lớp 4A3.  Chăm chỉ: Bạn Hiền rất chăm chỉ.  - HS đọc ghi nhớ. | Tuân đọc lại.  Tuân nhắc lại  Theo dõi  Lắng nghe.  Tuân nhắc lại.  Đọc ghi nhớ. |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập (18’)** | | | |  |
| **Bài 1**: Tìm từ ghép, từ láy.  - Tổ chức cho hs làm bài theo nhóm 4 vào bảng phụ.  - Yêu cầu đại diện các nhóm trình bày và trao đổi kết quả thảo luận với nhau. Các nhóm có thể đặt câu hỏi chất vấn:  + *Tại sao nhóm bạn xếp từ "bờ bãi", từ "dẻo dai" vào từ ghép*?  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương phần hoạt động nhóm của học sinh.  - Dựa vào đâu để xác định đâu là từ ghép, đâu là từ láy?  ***GV: Để phân biệt được từ láy và từ ghép ta dựa vào cấu tạo của từ ghép và từ láy. Từ ghép là từ do các tiếng có nghĩa ghép lại với nhau. Từ láy là những từ có phần vần, âm đầu, hoặc tiếng giống nhau.***  **Bài 2**: Tìm từ ghép, từ láy chứa tiếng:  a. Ngay  b. Thẳng  c.Thật  -Yêu cầu học sinh kết hợp sự hiểu biết của mình, sử dụng từ điển tiếng Việt hoàn thành bài tập trên.  -Yêu cầu học sinh trình bày bài.  *+ Đặt câu với 1 từ em tìm được ở bài 2.*  *+ Nêu cách tạo từ ghép ?*  *+Nêu cách tạo từ láy ?*  **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (5’)**  **-**Giáo viên chiếu bài tập đã chuẩn bị sẵn, yêu cầu 1 học sinh đọc.  1: Tìm các từ láy, từ ghép trong câu thơ sau:  “’ Bác ơi, tim Bác mênh mông thế  Ôm trọn non sông, cả kiếp người.  2: Em hãy đặt 1 câu miêu tả vẻ đẹp của thiên nhiên trong đó có sử dụng một từ láy.  **\* Củng cố, dặn dò:**  ? Thế nào là từ ghép ?  ? Thế nào là từ láy ?  - Nhận xét tiết học.  - Hoàn chỉnh các bài ở VBT. | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu | Từ ghép | Từ láy | | a | ghi nhớ, đền thờ, bờ bãi, tưởng nhớ | nô nức | | b | dẻo dai vững chắc, thanh cao | mộc mạc, nhũn nhặn, cứng cáp |   +tiếng"bờ", tiếng "bãi " đều có nghĩa  +tiếng "dẻo", tiếng "dai"đều có nghĩa  - Để xác định được đâu là từ láy, đâu là từ ghép ta dựa vào cấu tạo của từ ghép, từ láy Từ ghép là từ do các tiếng có nghĩa ghép lại với nhau. Từ láy là những từ có phần vần, âm đầu, hoặc tiếng giống nhau.  - HS đọc yêu cầu.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ** | **Từ ghép** | **Từ láy** | | ***ngay*** | Ngay thẳng, ngay thật, ngay đơ... | ngay ngắn | | ***thẳng*** | thẳng cánh, thẳngđứng, thẳng đuột, thẳng tính... | thẳng thắn | | ***thật*** | chân thật, chân thành... | thật thà |   + *HS nối tiếp đặt câu*  + HS nêu cách tạo TG, TL  *1:+ Từ ghép: non sông*  *+ Từ láy: mênh mông*  *2: VD: Giọt sương long lanh đọng trên lá.*  - Những từ do các tiếng có nghĩa ghép lại với nhau gọi là từ ghép.  - Những từ phối hợp nhũng tiếng có âm đầu hay vần (hoặc cả âm đầu và vần giống nhau đó là từ láy  - Lắng nghe, TH ở nhà. | | | Làm BT theo nhóm cùng bạn.  Theo dõi  Tuân nhắc lại.  Tuân đọc yêu cầu.  Làm bài theo HD.  Tuân đặt câu.  Tuân nhắc lại.  Theo dõi  Lắng nghe, TH ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán**

**TIẾT 17. LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- HS nắm chắc kiến thức về so sánh các số tự nhiên; Bước đầu làm quen dạng

x < 5 , 2< x < 5 với x là số tự nhiên.

- Có kĩ năng so sánh và sắp thứ tự các số tự nhiên. Kĩ năng trình bày với dạng toán tìm x mới.

-Phân tích được đề bài, kiểm tra bài làm của mình và nhận xét được bài làm của bạn; Trình bày được bài làm của mình và giải thích kết quả theo câu hỏi của GV.

Có trách nhiệm hoàn thành các bài tập được giao; HS có thái độ học tập tích cực, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Biết so sánh các số tự nhiên.

- HS nắm chắc kiến thức về so sánh các số tự nhiên;

- HS tự giác học bài.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Bảng phụ.

**2. Học sinh:** Sách, vở, thước kẻ, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu *(5p)***  **\* Khởi động**:  - Trò chơi: Sắp thứ tự  - GV chuẩn bị sẵn các tấm thẻ có ghi các số, yêu cầu HS sắp xếp theo thứ tự từ bé đén lớn (lớn đến bé).  - TK trò chơi, nêu lại cách sắp thứ tự.  **\* Kết nối**: GV dẫn vào bài mới. | - HS chơi theo tổ  - HS lên bảng bốc các thẻ và thảo luận  - HS cầm thẻ đứng theo thứ tự quy định  - Tổ nào xếp nhanh, xếp đúng thì thắng cuộc.  - Lắng nghe. | Tham gia chơi cùng bạn.  Lắng nghe. |
| **2. Hoạt động thực hành, luyện tập (30p)** | |  |
| **Bài 1**: Viết số. **Cá nhân-Lớp**  -Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  + Số bé nhất có 2 chữ số là số nào?  -( Tương tự các phần còn lại)  - Cùng Hs nhận xét và chốt kết quả đúng.  ***GV kết luận***: *Muốn tìm số bé nhất có 2,3,4... chữ số ta chỉ việc lấy số lớn nhất có 1,2,3....chữ số cộng thêm 1 đơn vị. Muốn tìm số lớn nhất có 1,2,3,4.... chữ số ta chỉ việc lấy số bé nhất có 2,3,4,5 chữ số trừ đi 1 đơn vị.*  **Bài 2: Cá nhân- nêu miệng**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  + Có bao nhiêu số có 1 chữ số?  + Có bao nhiêu số có hai chữ số?  + Em làm như thế nào để biết?  -Cho HS nhận xét chốt kết quả đúng.  + Bạn nào biết có bao nhiêu số có 5 chữ số?  ***GV kết luận***: *Muốn tìm số các số trong một khoảng cách nhất định ta chỉ việc lấy số lớn nhất trong khoảng đó trừ đi số bé nhất trong khoảng đó rồi chia cho khoảng cách giữa hai số liền nhau rồi cộng với 1.*  **Bài 3:** **Nhóm 2- Lớp**  Viết chữ số thích hợp vào ô trống.  + Làm ntn điền được chữ số thích hợp vào ô?  - GV hỏi để chốt KT:  *+ Hãy nêu cách so sánh 2 số tự nhiên với nhau?*  ***GV kết luận:*** *Khi so sánh hai số có nhiều chữ số, ta so sánh số các chữ số, nếu số các chữ số bằng nhau ta so sánh từng cặp chữ số bắt đầu từ hàng cao đến hàng thấp.*  **Bài 4: Cá nhân- Cả lớp**  Tìm số tự nhiên x.  +Hãy nêu những STN bé hơn 5?  - GV HD cách trình bày dạng bài tìm x<5.  - Tổ chức cho hs làm bài cá nhân vào vở.    - Chữa bài, nhận xét.  ***GV kết luận***: *Để làm được dạng bài tập này các em cần xác định kĩ, để tìm x đúng thì x phải thỏa mãn những yêu cầu nào để chọn giá trị của x cho phù hợp và chọn hết các giá trị của x mà phù hợp yêu cầu bài.*  **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (5’)**  - GV đưa bài tập yêu cầu học sinh đọc yêu cầu.  + Những số như thế nào là số tròn chục ?  -Yêu cầu HS làm bài cá nhân.  -HS lên bảng làm bài.  - Cùng HS nhận xét chốt kết quả đúng.  + Vì sao x không có giá trị là 60 ?  ***GV kết luận:*** *Những số tròn chục là những số có chữ số hàng đơn vị là chữ số 0, bao gồm cả số có 3,4,5... chữ số mà chữ số hàng đơn vị là chữ số 0 cũng được gọi là số tròn chục. Nếu chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị đều là chữ số 0 thì đó là số tròn trăm. Tương tự trong nghìn....*  **\* Củng cố dặn dò**  - GV hệ thống bài.  - Nhận xét giờ học. | - HS làm bài cá nhân vào nháp và chia sẻ trước lớp  a. 0 ; 10 ; 100  b. 9 ; 99 ; 999  - Lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu.  -Hs làm bài vào vở  - Có 10 số có 1 cữ số.  - Có 90 số có 2 chữ số  - Lắng nghe.  - HS làm bài cá nhân vào vở  - HS đổi chéo vở kiểm tra  - Các nhóm cử đại điện trình bày  Đáp án:  a. 859 **0** 67 < 859 167  b. 4**9**2 037 > 482 037  c.609 608 < 609 60 **9**  d. 264 309 = **2** 64 309  - Giải thích tại sao mình lại điền như vậy.  - Lắng nghe.  - Hs đọc đề bài.  a. Tìm x biết x < 5  Các số tự nhiên bé hơn 5 là: 0; 1; 2 ; 3; 4  Vậy x là : 0; 1; 2; 3; 4  b.Tìm x biết : 2 < x < 5  Số tự nhiên lớn hơn 2 và nhỏ hơn 5 là: 3; 4  Vậy x là : 3 ; 4  - HS nêu kết quả  - Giải thích cách làm  - HS đọc y/c.  - Số có chữ số hàng đơn vị là chữ số 0 thì là số tròn chục.  Tìm số tròn chục x , biết  68 < x < 92  x = 70, 80, 90.  - Vì x > 68 mà 60 < 68  - Nêu lại nội dung tiết học.  - Về nhà làm bài trong VBT. | HS làm bài theo HD.  Lắng nghe.  Tuân đọc  Làm bài vào vở.  Lắng nghe.  Tuân đọc  Làm bài vào vở theo HD.  Theo dõi  Lắng nghe.  Tuân đọc  Theo dõi bạn chữa bài.  Lắng nghe.  Theo dõi  Lắng nghe.  Lắng nghe  Lắng nghe.  - TH ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Địa lí**

**TIẾT 4. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT**

**CỦA NGƯỜI DÂN Ở HOÀNG LIÊN SƠN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Trình bày được những đặc điểm tiêu biểu về hoạt động sản xuất của người dân ở Hoàng Liên Sơn.

+ Trồng trọt: trồng lúa, ngô, chè, trồng rau và cây ăn quả,… trên nương rẫy, ruộng bậc thang.

+ Làm các nghề thủ công: dệt, thêu, đan, rèn, đúc,…

+ Khai thác khoáng sản: a-pa-tít, đồng, chì, kẽm,...

+ Khai thác lâm sản: gỗ, mây, nứa,...

- Dựa vào tranh ảnh để tìm ra kiến thức; Dựa vào hình vẽ nêu được quy trình sản xuất phân lân;

- Xác lập được mối quan hệ địa lí giữa thiên nhiên với hoạt động sản xuất của con người; Biết trân quý người dân trên mọi miền Tổ quốc

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- HS biết được để có sức khoẻ tốt phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn và thường xuyên thay đổi món.

- Biết cách chọn lựa các loại thức ăn tốt cho sức khoẻ và cân đối theo tháp dinh dưỡng.

- HS có ý thức uống đầy đủ và đa dạng thực phẩm để có đầy đủ chất dinh dưỡng.

**\*BVMT:**

- Sự thích nghi và cải tạo môi trường của con người ở miền núi và trung du

+ Làm nhà sàn để tránh ẩm thấp và thú dữ

+ Trồng trọt trên đất dốc

+ Khai thác khoáng sản, rừng, sức nước

+ Trồng cây công nghiệp trên đất ba dan

- Một số đặc điểm chính của môi trường và TNTN và việc khai thác TNTN ở miền núi và trung du (rừng, khoáng sản, đất đỏ ba dan, sức nước..)

**\* TKNL:**

- Miền núi phía Bắc có nhiều khoáng sản, trong đó có nguồn năng lượng: than; có nhiều sông, suối với cường độ chảy mạnh có thể phát sinh năng lượng phục vụ cuộc sống.

- Vùng núi có nhiều rừng cây, đây là nguồn năng lượng quan trọng để người dân sử dụng trong việc đun, nấu và sưởi ấm. Đây cũng là khu vực có một diện tích rừng khá lớn. Cuộc sống của người dân ở đây gắn liền với việc khai thác rừng (gỗ, củi..).

- Giúp học sinh thấy được tầm quan trọng của các loại tài nguyên nói trên, từ đó giáo dục ý thức sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên đó.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam; Tranh, ảnh một số mặt hàng thủ công, khai thác khoáng sản.

**2. Học sinh:** Bút, vở ô ly, SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | **HSKT** |
| **1.Hoạt động mở đầu:(5p)**  **\* Khởi động:**  - Nêu tên một số dân tộc ít người ở HLS?  - Trang phục, lễ hội, chợ phiên của họ có đặc điểm gì?  - GV nhận xét, khen HS.  **\* Kết nối**: GV giới thiệu bài. | - HS trả lời.  - HS đánh giá, nhận xét. | | Theo dõi  Lắng nghe. |
| **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới:(30’)** | | |  |
| **HĐ1: Trồng trọt trên đất dốc:**  - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi quan sát hình 1 và trả lời các câu hỏi sau vào phiếu học tập:  + Người dân ở Hoàng Liên Sơn thường trồng những cây gì? Ở đâu?  + Ruộng bậc thang thường được làm ở đâu?  + Tại sao phải làm ruộng bậc thang?  - Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét  **\* GV kết luận:** *Vì ở trên núi nên những người dân ở Hoàng Liên Sơn thường trồng lúa, ngô, chè trên nương rẫy. Người dân đã xẻ sườn núi thành những bậc phẳng gọi là ruộng bậc thang để giữ nước và chống xói mòn. Ngoài ra, do ở trên núi cao, khí hậu lạnh, người dân còn trồng một số loại quả xứ lạnh như đào, lê, mận...Sống ít người, nên sản xuất chủ yếu là để tự cung nên người dân ở đây còn có nghề trồng lanh dệt vải.*  **HĐ2: Nghề thủ công truyền thống:**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh, ảnh, dựa vào vốn hiểu biết của mình để trả lời các câu hỏi sau:  + Kể tên một số nghề thủ công và sản phẩm thủ công nổi tiếng của một số dân tộc ở vùng núi Hoàng Liên Sơn.  + Nhận xét về màu sắc của hàng thổ cẩm.  - GV nhận xét  **\* GV kết luận:** *Người dân ở Hoàng Liên Sơn có các ngành nghề thủ công chủ yếu như: dệt, may, thêu, đan lát, rèn đúc... tạo nên nhiều sản phẩm đẹp, có giá trị. Ngày nay, khách du lịch trong nước và quốc tế đến đây thường thích mua những mặt hàng thổ cẩm vì chúng có hoa văn độc đáo, màu sắc sặc sỡ, bền, đẹp.*  **HĐ3: Khai thác khoáng sản:**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 quan sát hình 3 và đọc SGK mục 3 để trả lời các câu hỏi sau:  + Kể tên một số khoáng sản có ở Hoàng Liên Sơn.  + Ở vùng núi Hoàng Liên Sơn, hiện nay khoáng sản nào được khai thác nhiều nhất?  - GV vừa chỉ bản đồ vừa nói: Hoàng Liên Sơn có một số khoáng sản như a-a-pa-tit, chì, kẽm... là khoáng sản được khai thác nhiều nhất ở vùng này và là nguyên liệu để sản xuất phân lân.  + Mô tả quá trình sản xuất ra phân lân.  + Tại sao chúng ta phải bảo vệ, giữ gìn và khai thác khoáng sản hợp lí ?  + Ngoài khai thác khoáng sản, người dân miền núi còn khai thác gì?  *- Liên hệ*: Ở địa phương em có những khoáng sản và lâm sản nào?  **\* GV kết luận:** *Khoáng sản được dùng làm nguyên liệu cho nhiều ngành công nghiệp nên chúng ta phải bảo vệ, giữ gìn và khai thác khoáng sản hợp lí. Ngoài 1 số khoáng sản, ở vùng núi Hoàng Liên Sơn còn có một số lâm sản quý…*  - Qua bài ngày hôm nay các em hãy cho cô biết:  + Người dân ở Hoàng Liên Sơn làm những nghề gì ? Nghề nào là nghề chính ?  - Yêu cầu 3 HS đọc ghi nhớ SGK T79.  **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (4’):**  - Để thích nghi và cải tạo môi trường ở miền núi và trung du con người đã làm gì ?  - Em hãy nêu tầm quan trọng của các loại tài nguyên? Chúng ta phải sử dụng nguồn tài nguyên đó như thế nào?  **\* GV kết luận:** *Miền núi phía bắc có nhiều khoáng sản, trong đó có nguồn năng lượng: than; có nhiều sông, suối với cường độ chảy mạnh có thể phát sinh năng lượng phục vụ đời sống. Vùng núi có nhiều rừng cây, đây là nguồn năng lượng quan trọng để người dân sử dụng trong việc đun, nấu và sưởi ấm. Đây cũng là khu vực có một diện tích rừng khá lớn. Cuộc sống của ngươi dân ở đây gắn liền với việc khai thác rừng (gỗ, củi..). Tuy nhiên, các nguồn tài nguyên không phải vô tận nên chúng ta phải khai thác hợp lí, sử dụng tiết kiệm để các nguồn tài nguyên đó không bị cạn kiệt.*  **\* Củng cố - dặn dò:**  ***-***GV tổng kết nội dung bài.  - Nhận xét tiết học, nhắc nhở HS về học và chuẩn bị bài sau. | | - HS làm việc nhóm 2 và chia sẻ trước lớp:  + Trồng ngô, chè, lúa... trên nương rẫy, ruộng bậc thang.  + Ở các sườn núi.  + Vì họ sống ở vùng núi đất dốc.  - Nhận xét bạn.  - Lắng nghe.  - Quan sát tranh.  + Nghề dệt, may, thêu (hàng thổ cẩm: khăn, mũ, túi, thảm...), đan lát (gùi,rèn, đúc..  + Màu sắc sặc sỡ, bền đẹp, có hoa văn độc đáo.    - Lắng nghe.  - HS thảo luận nhóm quan sát hình 3 và đọc mục 3 ở SGK rồi trả lời:  + A- pa- tít , đồng , chì , kẽm …  +A- pa- tít.  - Lắng nghe.  + Quặng a- pa- tít được khai thác ở mỏ, sau đó được làm giàu quặng (loại bỏ bớt đất đá tạp chất). Quặng được làm giàu đạt tiêu chuẩn sẽ được đưa vào nhà máy để sản xuất ra phân lân phục vụ nông nghiệp.  + Vì khoáng sản được dùng làm nguyên liệu cho nhiều ngành công nghiệp.  + Gỗ, mây, nứa…và các lâm sản quý khác.  - Lắng nghe.  - HS nêu.  - HS đọc ghi nhớ.  + Làm nhà sàn để tránh ẩm thấp và thú dữ.  + Trồng trọt trên đất dốc  + Khai thác khoáng sản, rừng, sức nước  + Trồng cây công nghiệp trên đất ba dan  - HS nêu tầm quan trọng của các loại tài nguyên, từ đó có ý thức sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên đó.  - Lắng nghe.  - Lắng nghe, thực hiện ở nhà. | HS làm việc nhóm 2.  Tuân nhắc lại  Tuân nêu.  Theo dõi  Lắng nghe.  Quan sát tranh.  Tuân nêu 1 nghề thủ công.  Lắng nghe  HS thảo luận nhóm quan sát hình 3 và đọc mục 3 ở SGK  Lắng nghe.  Theo dõi.  Tuân nêu.  Lắng nghe.  Theo dõi  Tuân đọc ghi nhớ.  Theo dõi.  Lắng nghe.  Lắng nghe, TH ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

...................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tập đọc**

**TIẾT 8. TRE VIỆT NAM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Đọc rành mạch, trôi chảy, ngắt, nghỉ đúng nhịp điệu câu thơ, đoạn thơ, nhấn giọng ở các từ ngữ gợi tả, gợi cảm; Đọc diễn cảm toàn bài, phù hợp với nội dung, cảm xúc. Bước đầu biết đọc một đoạn thơ lục bát với giọng tình cảm.

- Cảm nhận và hiểu được ý nghĩa của bài thơ: Cây tre tượng trưng cho con người Việt Nam. Qua hình tượng cây tre tác giả ca ngợi những phẩm chất cao đẹp của con người Việt Nam: Giàu tình thương yêu, ngay thẳng, chính trực. trả lời được các câu hỏi 1,2 ; thuộc khoảng 8 dòng thơ em thích)

- Phát triển năng lực tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo khi tự luyện đọc và tìm hiểu câu trả lời cho các câu hỏi trong bài; Biết tham gia thảo luận nhóm cùng các bạn tìm hiểu những nội dung kiến thức trong bài đọc; Giáo dục HS tình yêu với những loài cây quen thuộc của làng quê VN, tình yêu con người, yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Đọc được bài tập đọc “ Tre Việt Nam ”

- Nghe và hiểu nội dung bài.

- Giáo dục HS tình yêu với những loài cây quen thuộc của làng quê VN, tình yêu con người, yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc.

**\*GDBVMT:** Những hình ảnh đó vừa cho thấy vẻ đẹp của môi trường thiên nhiên, vừa mang ý nghĩa trong cuộc sống. Hãy giữ gìn môi trường sạch đẹp!

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Tranh minh hoạ bài tập SGK , ND luyện đọc.

**2. Học sinh:** sưu tầm các tranh, ảnh vẽ cây tre.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1.Hoạt động mở đầu:(5’)**  **\* Khởi động:**  - Hs hát kết hợp với vận động  **\* Kết nối**: GV chuyển ý vào bài mới: Cây tre luôn gắn bó với người dân Việt Nam, tre được làm các vật liệu xây nhà, đan lát đồ dùng và đồ mĩ nghệ. Cây tre luôn gần gũi với người dân Việt Nam:“Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín..” Cây tre tượng trưng cho người Việt Nam, tâm hồn Việt Nam. Bài thơ Tre Việt Nam các em học hôm nay sẽ giúp các em hiểu về điều đó. | - Hs cùng hát và vận động  - Lắng nghe. | Hs cùng hát và vận động  Lắng nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mơi (30’)**  **a. Hướng dẫn luyện đọc***:* | |  |
| \* Luyện đọc:  - 1 HS đọc cả bài.  - Chia đoạn:  - 4 HS đọc nối tiếp lần 1:  + Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho HS  - 4 HS đọc nối tiếp lần 2:  + Giải nghĩa từ  + Luyện đọc cách ngắt nhịp thơ (3 đến 4 học sinh đọc)  - 3 HS đọc nối tiếp đoạn lần 3:  - HS luyện đọc nối tiếp trong cặp.  - Gv đọc mẫu cả bài: Giọng nhẹ nhàng, cảm hứng ca ngợi. Ngắt nghỉ và nhấn nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả phẩm chất của tre. | - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - HS thảo luận nhóm 2, chia đoạn bài tập đọc và chia sẻ trước lớp  - 4 đoạn  Đoạn 1: Từ đầu .....bờ tre xanh.  Đoạn 2: Yêu nhiều....hỡi người.  Đoạn 3: Chẳng may....đến gì lạ đâu.  Đoạn 4: Mai sau....đến tre xanh  - Luyện đọc đoạn lần 1.  - Luyện đọc từ khó: *Tre xanh, nắng nỏ trời xanh, khuất mình, bão bùng, lũy thành, nòi tre, lạ thường, lưng trần*  - Đọc chú giải, hiểu nghĩa từ khó: *luỹ thành, gầy guộc, nòi tre,...*  *Yêu nhiều/ nắng nỏ trời xanh*  *Tre xanh/ không đứng khuất mình bóng râm.*  *Bão bùng/ thân bọc lấy thân*  *Tay ôm tay níu/ tre gần nhau thêm.*  - HS nhận xét đánh giá  - Báo cáo việc đọc trong nhóm | Đọc thầm  TLN chia đoạn  Luyện đọc từ khó.  Tuân đọc chú giải.  Luyện đọc ngắt, nghỉ  Luyện đọc theo cặp. |
| **b. Tìm hiểu bài***:* | |  |
| - Yêu cầu đọc thầm đoạn 1 trả lời:  *+ Tìm những câu thơ nói lên sự gắn bó lâu đời của cây tre với người Việt Nam?*    **GV**: Tre có từ rất lâu, có từ bao giờ không ai biết. Tre chứng kiến mọi chuyện xẩy ra với con người từ ngày xưa.  *+ Đoạn 1 cho ta thấy điều gì?*  - Gọi HS đọc đoạn 2 và 3. trao đổi câu hỏi:  *+ Chi tiết nào cho thấy tre như con người?*  *+ Những hình ảnh nào của cây tre tượng trưng cho tình thương yêu đồng loại?*  *+ Những hình ảnh nào tượng trưng cho tính cần cù?*  *+ Những hình ảnh nào gợi lên tinh thần đoàn kết của người Việt Nam?*  *+ Những hình ảnh nào của cây tre tượng trưng cho tính ngay thẳng?*  **Từ:** *tay ôm tay níu, đâu chịu mọc cong.*  ***GDBVMT****: Những hình ảnh đó vừa cho thấy vẻ đẹp của môi trường thiên nhiên, vừa mang ý nghĩa sâu sắc trong cuộc sống.*  **GV:** Cây tre cũng như con người có tình thương yêu đồng loại, khi khó khăn bão bùng thì “ tay ôm tay níu” đùm bọc che chở cho nhau tạo nên sức mạnh bất diệt.  *+ Đoạn 2 và đoạn 3 nói lên điều gì?*  - YC lớp đọc đoạn 4 trả lời câu hỏi:  *+ Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì ? Biện pháp đó có tác dụng gì?*  **GV:** Bằng vệc sử dụng biện pháp nghệ thuật nhân hoá tác giả cho chúng ta thấy tre cũng có tính cách như con ngườiViệt Nam: Ngay thẳng, bất khuất, biết thương yêu, nhường nhịn, đùm bọc, che chở cho nhau. Nhờ thế tre tạo nên luỹ nên thành, tạo nên sức mạnh, sự bất diệt.  *+ Đoạn thơ kết bài có ý nghĩa gì?*  **Từ:** *tre già măng mọc*.  **GV**: Bài thơ kết lại bằng điệp từ, điệp ngữ: xanh, mai sau thể hiện rất tài tình sự kế tiếp liên tục của các thế hệ tre già măng mọc như một quy luật tự nhiên.  *+ Em thích hình ảnh nào của cây tre và búp măng non ? Vì sao ?*  *+ Qua bài thơ trên tác giả muốn ca ngợi điều gì?*  - GV ghi nội dung lên bảng. | - HS đọc thầm  *+ Câu thơ: Tre xanh*  *Xanh tự bao giờ?*  *Chuyện ngày xưa đã có bờ tre xanh*  - Lắng nghe.  **1. Sự gắn bó lâu đời của tre đối với người việt Nam.**  *+ Chi tiết: không đứng khuất mình bóng râm*  *+ Hình ảnh: Bão bùng thân bọc lấy thân/Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm/ Thương nhau tre chẳng ở riêng/Lưng trần phơi nắng phơi sương/ Có manh áo cộc tre nhường cho con*  *+Ở đâu tre cũng xanh tươi*  *Cho dù đất sỏi đất vôi bạc màu*  *Rễ siêng không chịu đất nghèo*  *Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù*  *+ Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm*  *Thương nhau tre chẳng ở riêng*  *Luỹ thành từ đó mà nên hỡi người*  *+ Tre già thân gãy cành rơi mà tre vẫn truyền cái gốc cho con. Tre luôn mọc thẳng không chịu mọc cong…*  *- HS liên hệ việc giáo dục bảo vệ môi trường, bảo vệ cuộc sống trong lành.*  \* Bài thơ ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam: giàu tình thương yêu, ngay thẳng, chính trực thông - qua hình tượng cây tre.  **2. Phẩm chất tốt đẹp của cây tre.**  *- Nghệ thuật nhân hoá, nhờ đó tre có tính cách như con người.*  **3. Nói lên sức sông lâu bền, mãnh liệt của cây tre.**  - Lắng nghe.  - Nối tiếp phát biểu : Vẻ đẹp phẩm chất của con người VN, vẻ đẹp môi trường  HS ghi chép lại nội dung bài | Đọc thầm  Tuân nhắc lại câu thơ.  Lắng nghe.  Tuân nhắc lại ND.  Theo dõi  Tuân nhắc lại 1 câu thơ.  Liên hệ  Tuân nhắc lại ND đoạn 2.  Lắng nghe.  HS nêu  Lắng nghe, hiểu ND.  Ghi ND bài |
| **c. Luyện đọc diễn cảm***:* | |  |
| - Yêu cầu nêu lại giọng đọc của bài  - Gọi HS đọc nối tiếp 4 đoạn thơ. Nêu cách đọc diễn cảm từng đoạn thơ?  - Nhận xét, thể hiện đọc lại.  - Luyện đọc diễn cảm đoạn :  + HS luyện đọc diễn cảm đoạn thơ trong nhóm 4  - Thi đọc diễn cảm. Bình chọn bạn có giọng đọc hay.  - Giáo viên tuyên dương.  **\* Luyện đọc thuộc lòng:**  - GV cho học nhẩm học thuộc lòng những câu thơ ưa thích.  - Gọi 3HS đọc thuộc từng đoạn thơ, 1 HS đọc thuộc cả bài thơ.  - Giáo viên nhận xét đánh giá.  - Nhận xét học sinh đọc hay nhất theo tiêu trí sau:  + Đọc đúng bài, đúng tốc độ chưa?  + Đọc ngắt nghỉ hơi đúng chưa?  + Đọc đã diễn cảm chưa?  **4. HĐ vận dụng, trải nghiệm (5’)**  - Qua bài thơ, em cảm nhận được những đức tính tốt đẹp gì của con người VN?  - Em biết gì về tác dụng của cây tre, hãy kể cho các bạn cùng nghe.  **\* Củng cố, dặn dò: (**1 p)  - Gọi HS nêu lại nội dung bài.  - Nhận xét giờ học, HD chuẩn bị bài sau : Những hạt thóc giống. | - 1 HS đọc mẫu toàn bài.  - Giọng nhẹ nhàng, cảm hứng ca ngợi. Ngắt nghỉ và nhấn nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả phẩm chất của tre.  - 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn thơ. Nêu cách đọc diễn cảm từng đoạn thơ.  *Nòi tre đâu chịu mọc cong*  *Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường.*  *Lưng trần phơi nắng/ phơi sương*  *Có manh áo cộc tre nhường cho con.*  *Măng non là búp măng non*  *Đã mang dáng thẳng/ thân tròn của tre.*  *Năm qua đi, tháng qua đi*  *Tre già măng mọc/ có gì lạ đâu.*  *Mai sau,*  *Mai sau,*  *Mai sau,*  *Đất xanh/ tre mãi xanh màu tre xanh.*  - HS thi đọc.  - HS luyện đọc thuộc lòng.  - 3HS đọc thuộc từng đoạn thơ, 1 HS đọc thuộc cả bài thơ.  - Liên hệ vẻ đẹp của cây tre với phẩm chất của người VN  - Tìm đọc các tác phẩm viết về cây tre.  - HS nêu ND bài. | Đọc thầm  Lắng nghe.  Tuân đọc nối tiếp cùng bạn  Theo dõi bạn đọc.  Luyện đọc thuộc lòng.  Lắng nghe.  HS liên hệ.  Tuân nêu. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

...................................................................................................................................................................................................................................................................

***Thời gian thực hiện: Thứ tư ngày 29 tháng 9 năm 2021***

**Tập đọc**

**TIẾT 9. NHỮNG HẠT THÓC GIỐNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Đọc trơn toàn bộ bài với giọng kể chậm rãi, cảm hứng ca ngợi đức tính trung

thực của chú bé mồ côi. Đọc phân biệt lời nhân vật (chú bé mồ côi, nhà vua) với

lời người kể chuyện. Đọc đúng ngữ điệu câu kể và câu hỏi.

- Hiểu được nghĩa một số từ ngữ khó trong bài: bệ hạ, sững sờ, dõng dạc, hiền minh; Hiểu ND bài: Ca ngợi chú bé Chôm trung thực, dũng cảm, dám nói lên sự thật.

- Hình thành và phát triển năng lực tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo khi tự luyện đọc và tìm hiểu câu trả lời cho các câu hỏi trong bài, sử dụng ngôn ngữ gần gũi, dễ hiểu; Biết giao tiếp, hợp tác với bạn khi tham gia thảo luận nhóm tìm hiểu những nội dung kiến thức trong bài đọc; Giáo dục HS đức tính trung thực, dũng cảm trong học tập và cuộc sống.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Đọc được bài tập đọc “ Những hạt thóc giống ”

- Nghe và hiểu nội dung bài.

- Giáo dục HS đức tính trung thực, dũng cảm trong học tập và cuộc sống.

\* **GDKNS**: Xác định giá trị ; Nhận thức về bản thân; Tư duy phê phán .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Tranh minh họa SGK, bảng phụ ghi đoạn cần luyện đọc.

**2. Học sinh:** Sưu tầm các tranh, SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu:** (5’)  **\* Khởi động:**  -Yêu cầuHS thi đọc thuộc bài thơ Tre Việt Nam và trả lời câu hỏi:  *+ Nêu những hình ảnh mình thích trong bài.*  *+ Bài thơ ca ngợi những phẩm chất gì?* *Của ai?*  - GV nhận xét, tuyên dương  \* Kết nối: GV dẫn vào bài:  - GV cho HS quan sát tranh:  *+ Bức tranh vẽ cảnh gì? Cảnh này thường gặp ở đâu?*  => GV giới thiệu: Từ bao đời nay những câu chuyện cổ luôn là những bài học ông cha ta muốn răn dạy con cháu. Qua câu chuyện *Những hạt thóc giống* ông cha ta muốn nói gì với chúng ta? Các em cùng học bài tập đọc hôm nay. | - 2 HS đọc và trả lời:  - HS quan sát và trả lời  *+ Bức tranh vẽ cảnh một ông vua già đang dắt một tay một cậu bé trước đám dân chúng nô nức chở hàng hóa. Cảnh này thường thấy ở câu chuyện cổ.*  - HS lắng nghe | Theo dõi  Quan sát.  HS lắng nghe |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (30’)**  **\* Khám phá**  **a. Luyện đọc:** | |  |
| - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: giọng kể chậm rãi, chú ý phân biệt lời của nhà vua và lời của chú bé Chôm  - GV chốt vị trí các đoạn:  - HS đọc cá nhân từng đoạn nối tiếp  + Lần 1: Đọc nối tiếp, GV chú ý sửa phát âm sai cho HS.  + Lần 2: Đọc nối tiếp, kết hợp giải nghĩa từ chỳ giải ở SGK.  - Gọi 1 HS đọc chú giải  + Lần 3: Đọc nối tiếp, nhận xét đánh giá, hướng dẫn HS đọc câu khó.  - HS luyện đọc nhóm đôi.  - GV đọc diễn cảm toàn bài: Toàn bài đọc với giọng chậm rãi, cảm hứng ca gợi đức tính thật thà. Lời Chôm tâu vua: ngây thơ, lo lắng. Lời vua lúc giải thích thóc đã được luộc kĩ ôn tồn, lúc khen gợi Chôm: dõng dạc. | - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 4 đoạn:  + Đoạn 1:Ngày xưa.....bị trừng phạt.  + Đoạn 1:Có chú bé......nảy mầm được.  + Đoạn 1:Moi người.....của ta.  + Đoạn 4: Rồi vua dõng dạc.....hiền minh  - nẩy mầm, thu hoạch, lo lắng….  - Các từ chú giải SGk  + “ Vua ra lệnh….gieo trồng/ và giao hẹn:…..nhất/ sẽ được……, thóc nộp/ sẽ bị trừng phạt”.  - Lắng nghe. | Đọc thầm theo.  Đánh dấu đoạn.  Luyện đọc từ khó.  Tuân đọc chú giải  Luyện đọc câu dài.  Lắng nghe. |
| **b .Tìm hiểu bài:** | |  |
| - Yêu cầu HS đọc thầm toàn bài và trả lời câu hỏi:  *+ Nhà vua chọn người như thế nào để truyền ngôi?*  \* Vậy nhà vua đã làm cách nào tìm được người trung thực để truyền ngôi? chúng ta cùng tìm hiểu đoạn 1.  \* HS đọc thầm đoạn 1 và trả lời câu hỏi:  *+ Nhà vua đã làm cách nào để chọn người trung thực?*  *+ Theo em, hạt thóc giống đó có nảy mầm được không? Vì sao ?*  *+ Thóc luộc kĩ thì không thể nảy mầm được.Vậy nhà vua lại giao hẹn, nếu không có thóc sẽ bị trừng trị.Theo em nhà vua có mưu kế gì trong việc này?*  **\* GV kết luận***:* Nhà vua đã cố tình luộc thóc chín để thử xem ai là người trung thực, ai là người chỉ mong làm đẹp lòng vua, tham lam quyền chức.  *+ Vậy nội dung của đoạn 1 là gì?*  - Gọi 1 HS đọc to đoạn 2, lớp đọc thầm và trả lời câu hỏi:  *+ Theo lệnh vua chú bé Chôm đã làm gì? Kết quả ra sao?*  *+ Đến kỳ nộp thóc cho vua, chuyện gì đã xảy ra?*  *+ Hành động của chú bé Chôm có gì khác mọi người?****KNS***  **\* GV kết luận**: Mặc dù biết là nếu làm trái lệnh của vua thì sẽ bị trừng phạt nhưng khác với mọi người,cậu bé Chôm đã rất dũng cảm nói lên sự thật.Vậy nội dung của đoạn 2 là gì?  => Chuyển ý: Khi thấy hành động của cậu bé Chôm như vậy thì mọi người đã có thái độ ra sao? Chúng ta cùng tìm hiểu đoạn 3. ***Thái độ của mọi người khi nghe lời nói thật của Chôm***  - GV ghi bảng nội dung đoạn 3. Gọi HS nhắc lại nội dung.  \* HS đọc thầm đoạn 3 và trả lời câu hỏi:  *+ Thái độ của mọi người như thế nào khi nghe lời nói thật của Chôm?****KNS***  *+ Vậy nội dung của đoạn 3 cho ta biết điều gì?*  **\*GV kết luận***:* Trước hành động dũng cảm của Chôm, mọi người đã rất ngạc nhiên và sợ hãi. Không biết rồi cậu bé Chôm của chúng ta sẽ bị vua trừng phạt như thế nào? Cô cùng cả lớp tìm hiểu đoạn 4  \*HS đọc thầm đoạn còn lại và thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi:  *+ Nhà vua đã nói như thế nào?*  *+ Vua khen cậu bé Chôm những gì ?*  *(* ***KNS)***  *+ Cậu bé Chôm được hưởng những gì do tính thật thà, dũng cảm của mình ?*  *+ Theo em vì sao trung thực lại là người đáng quý ?(* ***KNS)***  *+ Em hãy nêu nội dung đoạn 4?*  **\*GV kết luận+ GDKNS:** Chúng ta phải có đức tính trung thực và dũng cảm trong học tập và trong cuộc sống. Đó là đức tính tốt, giúp chúng ta tiến bộ.  *+ Câu chuyện có ý nghĩa như thế nào?* | - Đọc thầm.  *+ Nhà vua muốn chọn người trung thực để truyền ngôi*  ***1***. ***Nhà vua chọn người trung thực để nối ngôi.***  + *Phát cho mỗi người một thúng thóc giống đã luộc chín về gieo trồng và ra hẹn: Ai thu được nhiều thóc sẽ truyền ngôi, ai không có thóc nộp sẽ bị trừng phạt.*  *+ Hạt thóc giống đó không thể nảy mầm được vì nó đã được luộc kĩ rồi.*  *+ Vua muốn tìm xem ai là người trung thực, ai là người chỉ mong làm đẹp lòng vua, tham lam quyền chức.*  - Lắng nghe.  - 2- 3 HS nhắc lại: ***Nhà vua chọn người trung thực để nối ngôi.***  **2. Cậu bé Chôm là người trung thực dám nói lên sự thật.**  *+ Chôm đã gieo trồng, dốc công chăm sóc nhưng hạt không nảy mầm.*  *+ Mọi người: nô nức chở thóc về kinh thành nộp. Chôm không có thóc lo lắng, đến trước vua qùy tâu: “Tâu bệ hạ! con không làm sao cho thóc nảy mầm được”*  *+ Chôm dũng cảm, dám nói lên sự thật, không sợ bị trừng phạt.*  - Lắng nghe.  2- 3 HS nêu lại.  ***3. Thái độ của mọi người khi nghe lời nói thật của Chôm:***  *+ Mọi người sững sờ, ngạc nhiên, sợ hãi thay cho Chôm vì Chôm dám nói sự thật, sẽ bị trừng phạt*  - 2- 3 HS nhắc lại  - Lắng nghe.  ***4. Chôm được truyền ngôi***  *+ Thóc đã luộc thì không thể nảy mầm được, mọi người có thóc nộp thì không phải là hạt giống vua ban.*  *+ Vua khen Chôm trung thực, dũng cảm*  *+ Cậu được vua truyền ngôi báu và trở thành ông vua hiền minh.*  *+Vì người trung thực bao giờ cũng nói thật, không vì lợi ích của mình mà nói dối, làm hỏng việc chung*  - 2- 3 hs nêu  - Lắng nghe.  ***\* Câu chuyện ca ngợi cậu bé Chôm trung thực, dũng cảm nói lên sự thật và cậu được hưởng hạnh phúc.***  - HS ghi vào vở – nhắc lại ý nghĩa. | Đọc thầm  Tuân trả lời.  Theo dõi  Tuân trả lời.  Nghe, hiểu  Lắng nghe.  Tuân nhắc lại.  Theo dõi bạn trả lời.  Lắng nghe.  Tuân nhắc lại.  Lắng nghe.  Tuân nêu lại.  Theo dõi  Tuân nhắc lại.  Lắng nghe.  Lắng nghe, hiểu.  Tuân nêu lại.  Lắng nghe.  Lắng nghe, hiểu nội dung bài. |
| **c. Luyện đọc diễn cảm:** | |  |
| - Gọi 1 HS đọc lại toàn bài.  **-** HS nêu giọng đọc toàn bài, cách thể hiện tình cảm.  - 4 HS nối tiếp đọc 4 đoạn.  - Hướng dẫn HS luyện đọc đoạn:  + GV chiếu nội dung  + HS đọc thầm và nêu cách đọc  + 3HS đọc và nhận xét cách đọc  + Yêu cầu HS luyện đọc theo cặp  - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm  ( đoạn 1)  - GV cùng cả lớp nhận xét, bình chọn học sinh đọc hay.  - GV tổ chức cho HS đọc phân vai theo nhóm.  **4. HĐ vận dụng, trải nghiệm (4’)**  *+ Qua bài đọc giúp các em hiểu điều gì ?*  *+ Em biết về ai hoặc câu chuyện nào nói về về tính trung thực và sự dũng cảm mà em biết.?*  *+ Qua câu chuyện, em học tập được điều gì?*  **\* GV kết luận**: Qua câu chuyện chúng ta thấy trung thực là đức tính quý nhất của con người, nó tạo niêm tin giữa con người với nhau. khi làm sai chúng ta cũng cần nhận lỗi và sửa lỗi đó cũng là một cách thể hiện tính trung thực dũng cảm.  **\* Củng cố- dặn dò: (**1’)  - Gọi 1 HS nêu lại nội dung bài.  - GV nhận xét tiết học, dặn dò HS. | - 1 HS đọc lại toàn bài  \* Giọng đọc của toàn bài:  Giọng chậm rãi, rõ ràng Lời Chôm tâu vua: ngây thơ, lo lắng. Lời nhà vua khi ôn tồn, khi dõng dạc.  \*Đoạn cần luyện đọc:  Chôm lo lắng đến trước nhà vua quì tâu:  - Tâu bệ hạ!.......  …..thóc giống của ta.  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc phân vai từ "Chôm lo lắng....đến hết"  + Phân vai trong nhóm  + Luyện đọc phân vai trong nhóm.  - Thi đọc phân vai trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS nêu suy nghĩ của mình  - Nêu 1 tấm gương về tính trung thực và sự dũng cảm mà em biết.  *+ Tìm đọc các câu chuyện cùng chủ đề trong sách Truyện đọc 4.*  *+ Trong cuộc sống, chúng ta cần có tấm lòng trung thực, dũng cảm nói lên sự thật thì sẽ được hưởng hạnh phúc.*  - 1HS nêu lại.  - Lắng nghe, TH ở nhà. | Đọc thầm.  Đọc nối tiếp đoạn.  Lắng nghe bạn đọc phân vai.  Nêu suy nghĩ.  Lắng nghe, ghi nhớ.  Lắng nghe, TH ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

...................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán**

**Tiết 18. YẾN, TẠ, TẤN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Bước đầu nhận biết về độ lớn của yến, tạ, tấn, mối quan hệ của tạ, tấn, ki-lô-gam; Biết chuyển đổi đơn vị đo giữa yến, tạ, tấn và ki-lô-gam. Biết thực hiện phép tính với các số đo: yến, tạ, tấn.

-Phân tích được đề bài, kiểm tra bài làm của mình và nhận xét được bài làm của bạn; Trình bày được bài làm của mình và giải thích kết quả theo câu hỏi của GV; Có trách nhiệm hoàn thành các bài tập được giao; Tích cực, tự giác học bài.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Bước đầu nhận biết về độ lớn của yến, tạ, tấn, mối quan hệ của tạ, tấn, ki-lô-gam - Biết thực hiện phép tính với các số đo: yến, tạ, tấn.

- HS có ý thức tự giác học bài.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Cân đồng hồ khối lượng 50 kg. Bảng phụ bài tập 2.

**2. Học sinh:** Sách, vở ô ly, thước kẻ, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **HSKT** |
| **1. HĐ mở đầu (5’)**  **\* Khởi động**  - Thực hành cân.  **\* Kết nối**: Với những vật có khối lượng lớn hơn thì chúng ta còn sử dụng những đơn vị nào để đo? Để trả lời câu hỏi đó cô trò mình cùng đi vào bài học ngày hôm nay. | - HS thực hành cân số cân nặng của mình bằng cân đồng hồ (kg).  - HS nêu ý tưởng.  - Lắng nghe. | TH cân  Lắng nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (12’)**  **\* Khám phá:** | |  |
| **a.Giới thiệu yến**  *- GV: Để đo những vật có khối lượng hàng chục kg người ta dùng đơn vị đo khối lượng yến, đơn vị đo khối lượng yến là đơn vị đo lớn hơn liền trước kg*  *- GV đặt vấn đề 1 yến = ? kg*  *+ Mua 10kg gạo tức là mua mấy yến gạo?*  *+ Mua 1 yến cám gà tức là mua bao nhiêu ki-lô-gam cám?*  *+ Mua 20 kg rau tức là mua bao nhiêu kg rau?*  **b.Giới thiệu: tạ.**  *GV giới thiệu: Đơn vị đo khối lượng lớn hơn liền trước yến là đơn vị đo tạ.*  *- GV đặt vấn đề 1 tạ = ? yến*  *1 tạ = ? kg*  *+ Cửa hàng nhập về 2 tạ đường nghĩa là cửa hàng nhập về bao nhiêu kg đường?*  *+ Mẹ mua 20 yến thóc tức là mẹ mua bao nhiêu tạ thóc?*  - Lấy VD về vật có cân nặng là tạ và quy đổi ra yến, kg  **c. Giới thiệu tấn**  - Giới thiệu tương tự như tạ  *+ Các em vừa được học thêm mấy đơn vị đo khối lượng? Đó là những đơn vị đo nào?*  *+ Vậy các em đã được học những đơn vị đo khối lượng nào? Hãy sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn?*  *+ Vậy để đo khối lượng của con gà người ta thường dùng đơn vị đo nào?*  *+ Đo khối lượng của con bò người ta thường dùng đơn vị đo nào?*  ***\* GV kết luận****: Vừa rồi các em đã học thêm ba đơn vị đo khối lượng mới đó là yến, tạ , tấn và các mối quan hệ của các đơn vị đo này với nhau rồi. Vận dụng kiến thức đẫ học cô trò mình cùng giải quyết các bài tập trong tiết học hôm nay.* | - HS suy nghĩ - Chia sẻ trước lớp.  + *1 yến = 10 kg*  *+ 1 yến gạo.*  *+ 10 kg.*  + *2 yến rau.*  - HS thảo luận nhóm 2- Chia sẻ trước lớp.  *1 tạ = 10 yến*  *1 tạ = 100 kg*  - HS lấy VD  ***-*** *Yến , tạ, tấn*  *- kg, yến , tạ, tấn.*  *- kg*  *- tạ*  - Lắng nghe. | Suy nghĩ  Tuân nhắc lại.  TLN đôi.  Tuân nhắc lại.  Theo dõi.  Lắng nghe, nhắc lại.  Lắng nghe. |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập (18’)** | |  |
| **Bài 1:** **Cá nhân- Cả lớp**  Viết vào chỗ chấm.  - Yêu cầu lấy thêm VD về cân nặng của một số vật.  ***GV kết luận***: *các em đã thực hành đoán cân nặng của các vật thực tế trong cuộc sống, nhưng đó là khối lượng của các vật ở khoảng tương đối thôi, vậy vận dụng mối qua hệ giữa các đơn vị đo khối lượng đã học để đổi khối lượng một cách chính xác như thế nào cô trò mình cùng chuyển sang bài tập 3*  **Bài 2**: **Cá nhân- Cả lớp**  Viết số thích hợp vào chỗ chấm.  - GV chốt lại các đáp án đúng  ***GV kết luận:*** *Các em cần dựa vào mối quan hệ của các đơn vị đo khối lượng đã học để điền số thích hợp vào chỗ chấm cho thích hợp rồi, Vậy thực hiện phép tính với các dơn vị đo khối lượng như thế nào cô trò chúng ta cùng chuyển sang bài tập 3.*  **Bài 3**: Tính  - Tổ chức cho HS làm bài vào vở, đọc kết quả.  - Gv chữa bài , nhận xét.  ***GV kết luận:****Khi thực hiện các phép tính với đơn vị đo khối lượng cần thực hiện tính như các phép tính bình thường và viết đơn vị đo tương ứng vào bên phải của kết quả tính.*  **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (5’)**  ***GV kết luận:*** *Khi giải bài toán về về phép tính với số đo thời gian các em cần lưu ý gì về đơn vị đo thời gian ?*  **\* Củng cố dặn dò**  - Hệ thống bài.  - Nhận xét giờ học, nhắc nhở HS. | - HS đọc y/c.  - HS làm cá nhân và chia sẻ lớp:  a. Con bò cân nặng *2 tạ*  b. Con gà cân nặng *2 kg*  c. Con voi cân nặng *2 tấn*  - HS nối tiếp nêu VD  **-** Lắng nghe.  - HS đọc y/c.  - HS chơi trò chơi *Xì điện* dưới sự điều hành của TBHT  a) 1 yến = 10 kg 5 yến = 50 kg  1yến7kg =17kg 10 kg = 1 yến  8yến = 80 kg 5yến3kg=53kg  b)1 tạ = 10 yến 4 tạ = 40 yến  10 yến = 1 tạ 1 tạ = 100kg  100 kg = 1 tạ 9 tạ = 900 kg  1 tấn = 10 tạ 4 tạ 60 kg = 460 kg  3 tấn = 30 tạ 1 tấn = 1000kg  5 tấn = 5000kg 1000 kg = 1 tấn  2 tấn 85 kg = 2085 kg.  - Chốt lại mối quan hệ giữa tấn, tạ, yến.  - Hs làm bài cá nhân vào vở, đổi chéo kiểm tra và báo cáo trước lớp  Đáp án:  18 yến + 26 yến = 44 yến  648 tạ - 75 tạ = 573 tạ  135 tạ x 4 = 540 tạ  512 tấn : 8 = 64 tấn  *Khi giải bài toán về về phép tính với số đo thời gian các em cần lưu ý đổi để đơn vị đo thời gian đồng nhất mới thực hiện tính.*  Ước lượng cân nặng của môt số vật với các đơn vị đo tấn, tạ, yến.  - Làm VBT toán ở nhà. | Tuân đọc.  Tuân chữa bài.  Lắng nghe.  Tuân đọc  Tham gia chơi cùng bạn.  Lắng nghe.  Làm vào vở theo HD.  Lắng nghe  TH ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Khoa học**

**TIẾT 8. TẠI SAO CẦN PHẢI ĂN PHỐI HỢP**

**ĐẠM ĐỘNG VẬT VÀ ĐẠM THỰC VẬT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Biết được cần ăn phối hợp đạm động vật và đạm thực vật để cung cấp đầy đủ chất cho cơ thể; Nêu ích lợi của việc ăn cá: đạm của cá dễ tiêu hơn đạm của gia súc, gia cầm.

- Xác định được các nhóm thức ăn có chứa đạm động vật, đạm thực vật.

- Hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề khi biết phối hợp đạm động vật và đạm thực vật để cung cấp đầy đủ chất cho cơ thể; Biết giao tiếp, hợp tác nhóm xác định được các nhóm thức ăn có chứa đạm động vật, đạm thực vật; GD HS ý thức ăn uống hợp vệ sinh, đủ dinh dưỡng.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Biết được cần ăn phối hợp đạm động vật và đạm thực vật để cung cấp đầy đủ chất cho cơ thể;

- Nêu ích lợi của việc ăn cá: đạm của cá dễ tiêu hơn đạm của gia súc, gia cầm.

**-** GD HS ý thức ăn uống hợp vệ sinh, đủ dinh dưỡng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Các hình minh hoạ ở trang 18, 19 / SGK phóng to.

**2. Học sinh:** SGK, vở ô ly, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **HSKT** |
| **1.Hoạt động mở đầu** (5’)  **\* Khởi động:**  *+ Tại sao cần ăn đa dạng thức ăn và thay đổi món thường xuyên?*  - GV NX, tuyên dương HS.  \* Kết nối: GV hỏi:  *+ Hầu hết các loại thức ăn có nguồn gốc từ đâu?*  *=> Chất đạm cũng có nguồn gốc từ động vật và thực vật. Vậy những món ăn nào vừa cung cấp đạm đông vật, vừa cung cấp đạm thực vật và chúng ta phải ăn như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay.* | - HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung  *+ Hầu hết các loại thức ăn có nguồn gốc từ đ.vật và thực vật*  - Lắng nghe. | Theo dõi  Lắng nghe. |
| **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới (30’)**  **\* Khám phá** | |  |
| **HĐ1: Trò chơi: “Kể tên những món ăn chứa nhiều chất đạm”.**  - Chia lớp thành 2 đội: Mỗi đội cử 1 trọng tài giám sát đội bạn.  - Thành viên trong mỗi đội nối tiếp nhau lên bảng ghi tên các món ăn chứa nhiều chất đạm. (Lưu ý mỗi HS chỉ viết tên 1 món ăn)  - GV cùng trọng tài công bố kết quả của 2 đội.  - Khen đội thắng cuộc.  **\*GV kết luận và chuyển hoạt động**: Những thức ăn chứa nhiều chất đạm đều có nhiều chất bổ dưỡng. Vậy những món ăn nào vừa cung cấp đạm động vật vừa cung cấp đạm thực vật và chúng ta phải ăn chúng như thế nào. Chúng ta cùng tìm hiểu.  **HĐ2: Tại sao cần ăn phối hợp đạm động vật và đạm thực vật.**  - GV yêu cầu cả lớp cùng đọc lại danh sách các món ăn chứa nhiều chất đạm do các em lập nên qua trò chơi và chỉ ra các món ăn nào chứa nhiều đạm ĐV vừa chứa đạm TV.  - Chia nhóm HS.  - Yêu cầu các nhóm nghiên cứu bảng thông tin vừa đọc, các hình minh hoạ trong SGK và trả lời các câu hỏi sau:  *+ Những món ăn nào vừa chứa đạm động vật, vừa chứa đạm thực vật ?*  *+ Tại sao cần ăn phối hợp đạm thực vật với đạm động vật?*  *+ Vì sao chúng ta nên ăn nhiều cá?*  **\*GV kết luận**: Ăn kết hợp cả đạm động vật và đạm thực vật sẽ giúp cơ thể có thêm những chất dinh dưỡng bổ sung cho nhau và giúp cho cơ quan tiêu hoá hoạt động tốt hơn. Chúng ta nên ăn thịt ở mức vừa phải, nên ăn cá nhiều hơn thịt, tối thiểu mỗi tuần nên ăn ba bữa cá….  **3. Hoạt động vận dụng*,* trải nghiệm (5’)**  - GV tổ chức cho HS thi kể về các món ăn vừa cung cấp đạm động vật, vừa cung cấp đạm thực vật theo định hướng.  + Yêu cầu mỗi HS chuẩn bị giới thiệu một món ăn vừa cung cấp đạm động vật, vừa cung cấp đạm thực vật với nội dung sau: tên món ăn, thực phẩm cần dùng để chế biến, cảm nhận của mình khi ăn món đó?  - GV gọi 2- 3 HS trình bày  - Yêu câu HS nhận xét  - GV nhận xét tuyên dương.  -Yc hs sưu tầm tranh ảnh về ích lợi của việc dùng muối i- ốt trên báo hoặc tạp chí.  **\* GV kết luận:** Trong bữa ăn hàng ngày, chúng ta nên ăn phối hợp các loại thức ăn chứa chất đạm có nguồn gốc động vật và thực vật vì chúng rất tốt cho quá trình cơ thể phát triển.  **\* Củng cố- dặn dò3’:**  - GV gọi 2 HS đọc mục bạn cần biết SGK/ 19  - GV nhận xét tiết học, dặn dò HS. | - HS chơi trò chơi theo 2 đội  - HS lên bảng viết tên các món ăn.  “Gà rán, cá kho, mực xào, muối vừng, canh cua, canh tôm, đậu Hà Lan xào…”  - Lắng nghe.  - 2 HS nối tiếp nhau đọc to trước lớp, HS dưới lớp đọc thầm theo.  - Chia nhóm và tiến hành thảo luận dưới sự điều hành của nhóm trưởng  - TBHT điều khiển các nhóm báo cáo:  *+ Đậu kho thịt, lẩu cá, thịt bò xào rau cải, tôm nấu bóng, canh cua, …*  *+ Nếu chỉ ăn đạm động vật hoặc đạm thực vật thì sẽ không đủ chất dinh dưỡng cho hoạt động sống của cơ thể. Mỗi loại đạm chứa những chất bổ dưỡng khác nhau*.  *+ Chúng ta nên ăn nhiều cá vì cá là loại thức ăn dễ tiêu, trong chất béo của cá có nhiều a- xít béo không no có vai trò phòng chống bệnh xơ vữa động mạch*.  - HS liên hệ việc ăn uống của bản thân hàng ngày và cách điều chỉnh chế độ ăn cho có đủ các loại đạm.  - Hoạt động theo hướng dẫn của GV.  - HS nêu.  VD:  + HS 1: Em rất thích ăn mon đậu phụ nhồi thịt . Món này được chế biến từ đậu tương từ thực vật kết hợp với thịt từ lợn động vật. Món này ăn với cơm rất ngon, ăn không bị béo mà rất thơm.  + HS 2: Em thích ăn món canh cua, món này được nấu từ thịt cua với các loại rau như rau đay, bí, mướp... mùa hè ăn canh cua với cà thì thật là ngon mát, và giàu chất dinh dưỡng.  - Sưu tầm tranh ảnh về ích lợi của việc dùng muối i- ốt trên báo hoặc tạp chí.  - 2 HS đọc mục bạn cần biết SGK/ 19.  - Lắng nghe. | Tham gia chơi cùng bạn.  Lắng nghe.  Tuân đọc.  Thảo luận nhóm cùng bạn.  Tuân nêu 1 món ăn.  Theo dõi  - HS liên hệ việc ăn uống của bản thân hàng ngày.  Lắng nghe.  Theo dõi  Tuân đọc.  Lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Kể chuyện**

**TIẾT 4. MỘT NHÀ THƠ CHÂN CHÍNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Kể lại được câu chuyện Một nhà thơ chân chính; Hiểu được nội dung, ý nghĩa của câu chuyện mình kể;

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Ca ngợi nhà thơ chân chính, có khí phách cao đẹp, thà chết trên giàn lửa thiêu, không chịu khuất phục cường quyền.

- Biết diễn đạt khi kể chuyện; Biết tham gia thảo luận nhóm cùng các bạn tìm hiểu ý nghĩa nội dung câu chuyện; Mạnh dạn, tự tin kể chuyện trước đám đông; Thể hiện được lòng nhân ái, yêu thương con người.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Kể lại được 1 đoạn câu chuyện Một nhà thơ chân chính;

- Hiểu được nội dung, ý nghĩa của câu chuyện.

- Giáo dục HS lòng nhân ái, yêu thương con người.

\***GDĐĐHCM :** Tình thương yêu bao la của Bác Hồ đối với dân với nước nói chung và đối với thiếu niên nhi đồng nói riêng .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Bảng phụ.

**2. Học sinh:** SGK, câu chuyện đã chuẩn bị trước ở nhà.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1.Hoạt động mở đầu:(5’)**  **\* Khởi động:**  - Gọi HSkể chuyện Nàng tiên Ốc bằng thơ.  - GV nhận xét, khen HS.  **\* Kết nối**: GV chuyển ý bài mới. | - 2-3 HS lên kể câu chuyện bằng thơ Nàng tiên Ốc.  - Lắng nghe. | Theo dõi.  Lắng nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (8’)**  **\* Khám phá:**  **HĐ. Hướng dẫn tìm hiểu đề bài** | |  |
| - Hướng dẫn kể chuyện.  - GV kể 2 lần:  +Lần 1: Kể nội dung chuyện.  Sau khi kể lần 1, GV yêu cầu HS giải thích một số từ ngữ khó hiểu trong truyện.  +Lần 2: Kể kèm tranh minh hoạ  Yêu cầu HS đọc yêu cầu đề bài  *+ Khi kể chuyện cần lưu ý gì?*  - GV ghi các tiêu chí đánh giá lên bảng.  +GV: *Để câu chuyện thêm hay và hấp dẫn hơn, em có thể kể lại câu chuyện bằng lời của nhân vật.* | - HS theo dõi  - Hs lắng nghe Gv kể chuyện.  - Giải thích các từ ngữ: *tấu, giàn hoả thiêu, hống hách, bạo tàn,...*  -HS lắng nghe và quan sát tranh  - HS đọc đề, gạch chân từ ngữ quan trọng  làm đau lòng người khác,..  - Hs đọc tiêu chí đánh giá .  - Lắng nghe. | Theo dõi  Lắng nghe  Quan sát tranh  Lắng nghe. |
| **3 . Hoạt động thực hành, luyện tập (22’)** | |  |
| ***a. Thực hành kể chuyện***  - Yêu cầu HS đọc y/c của từng bài tập.  - Nhắc nhở học sinh trước khi kể:  -HD hs làm việc theo nhóm.  + Chỉ cần kể đúng cốt truyện, không cần lặp lại nguyên văn từng lời thầy.  - GV đánh giá phần chia sẻ của lớp.  \* Nhận xét bình chọn bạn kể hay.  ***b. Tìm hiểu ý nghĩa của câu chuyện***  - GV phát phiếu học tập có in sẵn các câu hỏi  - TBHT điều khiển các nhóm báo cáo dưới sự hướng dẫn của GV:  *+Trước sự bạo ngược của nhà vua dân chúng phản ứng bằng cách nào?*  *+Nhà vua làm gì khi biết dân chúng truyền tụng bài ca lên án mình?*  *+Trước sự đe doạ của nhà vua mọi người có thái độ ntn?*  *+Vì sao nhà vua phải thay đổi thái độ?*  *+ Câu chuyện ca ngợi nhà thơ chân chính hay ca ngợi ông vua bạo tàn đã thay đổi thái độ?*  \* Nêu ý nghĩa câu chuyện?  - GV nhận xét, đánh giá liên hệ giáo dục tính trung thực và bảo vệ lẽ phải  **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (5’)**  - GV tổ chức cho HS chia sẻ nhóm đôi kể câu chuyên khác tương tự cùng chủ đề về tấm lòng nhân hậu.  *\* GV chốt: Giáo dục HS cần có tấm lòng nhân hậu, bao dung, yêu thương.*  **5. Củng cố, dặn dò: 2 phút**  ? Bài học muốn nói với em điều gì?  - Nhận xét tiết học, dặn dò HS. | - HS đọc y/c của từng bài tập.  - Lớp trưởng điều khiển các bạn thảo luận theo nhóm 4    - HS làm việc nhóm  + HS làm việc cá nhân sau đó chia sẻ phần kể chuyện của mình trong lớp  - Cả lớp theo dõi  - Nhận xét, bình chọn bạn kể hay  - HS thảo luận trong nhóm 4 các câu hỏi dưới sự điều khiển của nhóm trưởng – Chia sẻ nội dung trước lớp  *+ Truyền nhau bài hát nói lên sự hống hách bạo ngược của nhà vua và nỗi thống khổ của nhân dân.*  *+Vua ra lệnh bắt kì được người sáng tác bài hát.*  *+ Các nhà thơ lần lượt khuất phục, họ hát những bài ca ca ngợi nhà vua...*  *+ Vì vua thực sự khâm phục và kính trọng lòng trung thực và khí phách của nhà thơ.*  *+ Ca ngợi nhà thơ chân chính thà chết trên giàn lửa chứ không ca ngợi ông vua bạo tàn.*  *- Ca ngợi nhà thơ chân chính, có khí phách cao đẹp, thà chết trên giàn lửa thiêu, không chịu khuất phục cường quyền.*  - Lắng nghe.  - Tìm đọc các câu chuyện về tính trung thực trong sách báo, sách kể chuyện  - Sưu tầm các câu chuyện khác cùng chủ đề.  - HS nêu  - Về nhà kể lại câu chuyện cho người thân nghe | Tuân đọc  TLN cùng bạn.  Theo dõi  Nhận xét  TLN cùng bạn  Lắng nghe.  Tuân nhắc lại.  Tuân nhắc lại.  Lắng nghe.  Chia sẻ trong nhóm.  Thực hiện ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Chính tả ( Nhớ - viết )**

**TIẾT 4. TRUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Nhớ - viết và trình bày đúng bài chính tả theo hình thức bài thơ lục bát; không mắc quá 5 lỗi trong bài; Làm đúng bài tập chính tả 2a phân biệt r/d/gi

- Hiểu nội dung đoạn viết và ý nghĩa của bài tập chính tả trong bài.

- Phát triển năng lực tự học, giải quyết vấn đề khi tự đọc và tìm nội dung đoạn viết, viết bài đúng và đẹp; Biết hợp tác với bạn khi tham gia thảo luận nhóm; Yêu thích, tự hào về những câu chuyện cổ tích của dân tộc; Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết và ngôn ngữ Tiếng Việt.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Nhớ - viết được 1 khổ thơ đầu của bài Truyện cổ nước mình.

- Nghe và hiểu nội dung bài viết chính tả.

- HS có ý thức rèn viết chữ và trình bày vở.

**\*GDKNS:** Xác định giá trị; Nhận thức về bản thân, tư duy phê phán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Bảng phụ, bút dạ.

**2. Học sinh:** SGK, vở ô ly, bút.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu (5’)**  **\* Khởi động:**  - Yêu cầu HS tìm tên các con vật bằng tr/ch.  - Nhận xét.  \* Kết nối: GV dẫn vào bài mới. | - HS tìm tên các con vật bằng tr/ch.  - Lắng nghe. | HS tìm tên các con vật bằng tr/ch.  Lắng nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **a. Chuẩn bị viết chính tả:** | |  |
| **\* Trao đổi về nội dung đoạn cần viết:**  - Gọi HS đọc đoạn thơ trong SGK.  *+ Đây là bài thơ nào mà chúng ta đã được học?*  *+ Vì sao tác giả lại yêu truyện cổ nước mình?*  *+ Qua những câu chuyện cổ, ông cha ta muốn nhắn nhủ điều gì ?*  **\* GV kết luận**: *Bài thơ là tình cảm của tác giả đối với những câu chuyện cổ của đất nước, của dân tộc. Mỗi một câu chuyện là một điều nhắn nhủ, một bài học mà ông cha gửi tới cho con cháu đời sau tạo nên nền văn hóa riêng biệt. Từ đó càng làm cho tác giả them phần yêu thương và nâng niu những câu chuyện hơn.*  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết.  + *Bài thơ được viết dưới dạng thể thơ nào?*  *+ Em hãy nêu cách viết của bài thơ thể lục bát?* | - 1 HS đọc- HS lớp đọc thầm.  *+ Bài thơ “Truyện cổ nước mình”*  *+ Vì các câu chuyện cổ rất sâu sắc, giàu lòng nhân hậu.*  *+ Cha ông ta muốn khuyên con cháu đời sau phải biết thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau; ở hiền sẽ gặp nhiều điều may mắn, hạnh phúc.*  - Lắng nghe.  *-* HS nêu từ khó viết*: truyện cổ, sâu xa, độ trì, rặng dừa, soi, ...*  - Viết từ khó vào vở nháp  + *Bài thơ được viết dưới dạng thể thơ lục bát.*  + *Câu 6 cách lề 2 ô, câu 8 cách lề 1 ô* | Đọc thầm  Tuân nêu  Tuân nhắc lại.  Lắng nghe  Luyện viết từ khó.  Theo dõi  Lắng nghe. |
| **b. Viết bài chính tả:** | |  |
| - GV đọc bài cho HS viết  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. | - HS nghe - viết bài vào vở.  - Lắng nghe. | HS tập chép.  Lắng nghe. |
| **c. Đánh giá và nhận xét bài:** | |  |
| - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS | - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | TH theo y/c.  Soát lỗi theo cặp |
| **3 . Hoạt động thực hành, luyện tập**  **\* Làm bài tập chính tả:** | |  |
| **Bài 2:** Điền vào ô trống tiếng có âm đầu là **r, d** hay **gi?**  - Gọi hs đọc to đoạn văn đã điền hoàn chỉnh.  *+ Nội dung của đoạn văn trên?*  **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (5’)**  - GV yêu cầu HS thi tìm tiếng có chứa âm r/d/gi.  - Tìm các câu đố chữ tương tự và giải các câu đố đó.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **\* Củng cố- dặn dò: 2 phút**  - GV hệ thống lại nội dung bài.  -Nhận xét tiết học; Dặn dò HS Chép lại đoạn văn cho đẹp. | Lời giải: ***gió*** *thổi* ***– gió*** *đưa* ***– gió*** *nâng* ***–*** *cánh* ***diều***  - 1 hs đọc to đoạn văn đã điền hoàn chỉnh.  *+ Đoạn văn gợi cho ta khung cảnh bình yên của thôn quê Việt Nam, với những âm thanh dân dã, giản dị mà thanh bình.*  Viết 6 tiếng, từ chứa r/d/gi  - Tìm các câu đố chữ tương tự và giải các câu đố đó.  - Lắng nghe.  - Thực hiện ở nhà. | Làm bài theo HD.  Tuân đọc lời giải.  Theo dõi  Tuân viết trên bảng.  Lắng nghe.  - Thực hiện ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

***Thời gian thực hiện: Thứ năm ngày 30 tháng 9 năm 2021***

**Luyện từ và câu**

**TIẾT 8. LUYỆN TẬP VỀ TỪ GHÉP, TỪ LÁY**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Nắm được hai loại từ ghép (có nghĩa tổng hợp, có nghĩa phân loại); Bước đầu nắm được 3 nhóm từ láy (giống nhau ở âm đầu, vần, cả âm đầu và vần).

- Nhận diện được từ ghép từ láy trong câu văn, đoạn văn; Xác định được mô hình cấu tạo của từ ghép tổng hợp từ ghép phân loại và từ láy: láy âm láy vần, láy cả âm và vần.

- Phát triển năng lực tự học, tự tra từ điển hiểu nghĩa của từ, giao tiếp hợp tác nhóm tìm hiểu thêm ngôn ngữ sắp xếp từ vào nhóm phù hợp; Biết tìm từ, đặt câu với các từ ngữ vừa tìm được; HS có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; HS có ý thức học tập chăm chỉ, tích cực, mạnh dạn, tự tin.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Biết được có hai loại từ ghép, 3 nhóm từ láy.

- Làm được BT theo hướng dẫn của GV.

- GD HS có ý thức học tập chăm chỉ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Bảng phụ, từ điển.

**2. Học sinh:** VBT , SGK,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu (5’)**  **\* Khởi động:**  - GV tổ chức cho HS trò chơi: Hái hoa dân chủ. Có 5-6 HS lên hái hoa và trả lời câu hỏi. Trong mỗi bông hoa có 1 từ, HS đọc từ và xác định đó là từ láy hay từ ghép, bạn nào trả lời đúng sẽ nhận được một phần quà là chiếc bút chữ A.  - GV nhận xét, tuyên dương.  \* **Kết nối:**  + Thế nào là từ láy, từ ghép ?  - GV tiết luyện từ và câu hôm nay các em sẽ luyện tập về từ láy và từ ghép. Biết được mô hình cấu tạo của từ ghép -> GV ghi bảng. | - HS bốc thăm và trả lời.  - 1 HS nêu  - HS lắng nghe. | Tham gia chơi cùng bạn.  Tuân nêu.  HS lắng nghe. |
| **2 . Hoạt động thực hành, luyện tập(30’):** | |  |
| **Bài 1:** So sánh hai từ ghép sau: Bánh trái và bánh rán  - Tổ chức cho hs thảo luận theo nhóm đôi.  ***- GV chốt lại: Bánh trái: Chỉ chung các loại bánh -> Từ ghép có nghĩa tổng hợp (bao quát chung); Bánh rán: Chỉ loại bánh nặn bằng bột gạo nếp, thường có nhân, rán chín giòn -> Từ ghép có nghĩa phân loại (chỉ một loại nhỏ thuộc phạm vi nghĩa của tiếng thứ nhất)***  + Gọi HS lấy VD về từ ghép Tổng hợp và Phân loại.  **Bài 2**: Viết từ ghép đã cho vào bảng phân loại từ ghép; (Tìm 3 từ ghép có nghĩa phân loại, 3 từ ghép có nghĩa tổng hợp )  - Chữa bài, nhận xét, đặt câu hỏi củng cố bài:  *+ Tại sao xếp xe đạp vào TG phân loại?*  *+ Tại sao xếp màu sắc vào TG tổng hợp*  **\* GV chốt**: Có hai loại từ ghép đó là từ ghép phân loại và từ ghép tổng hợp. Từ ghép tổng hợp là từ ghép mang ý nghĩa chung, khái quát nhât. Từ ghép phân loại là từ ghép chỉ một loại nhỏ thuộc phạm vi nghĩa của từ tổng hợp. Các từ ghép tổng hợp các em vừa tìm được chỉ một số đặc điểm chung của đất nước Việt Nam. Thiên nhiên Việt Nam vô cùng tươi đẹp, chúng ta có quyền tự hào về điều đó và thêm yêu quê hương mình.  **Bài 3**: Xếp từ các láy vào nhóm thích hợp.  - Y/c HS làm bài vào vở- Chia sẻ lớp.  - GV đặt câu hỏi chốt:  H: Muốn xếp được từ láy vào đúng ô cần xác định được bộ phận nào?  H: Các từ láy đó lặp lại bộ phận nào?  *+ Vậy có mấy loại từ láy?*  **\* GV chốt:**Khi xác định từ láy cần xác định các bộ phận được lặp lại âm đầu, vần, cả âm đầu và vần.Lưu ý có những từ bộ phận âm đầu được lặp lại giống nhau nhưng không phải từ láy vì cả 2 tiếng của từ đó đều có nghĩa vì thế ngoài xác định các bộ phận lặp lại các em cần xét cả nghĩa của từ.  **4. Hoạt động ứng dụng:**  Giáo viên y/c HS đặt câu có sử dụng từ ghép hoặc từ láy,  - Gọi HS trình bày, nhận xét.  **5. Củng cố, dặn dò: ( 2 phút)**  H: Có mấy loại từ láy,từ ghép? - Tóm tắt nội dung – nhận xét giờ học. | **Nhóm 2 -Lớp**  - 1 hs đọc đề bài.  - Nhóm 2 hs thảo luận-Chia sẻ trước lớp  - TBHT điều khiển các nhóm báo cáo  +Từ **bánh trái** có nghĩa tổng hợp.  +Từ **bánh rán** có nghĩa phân loại.  - 2HS lấy ví dụ: Xe pháo, xe đạp.  - 1 hs đọc đề bài.  - Hs làm bài theo nhóm 4, trình bày kết quả   |  |  | | --- | --- | | Từ ghép phân loại | Từ ghép tổng hợp | | Đương ray, xe đạp, tàu hỏa, xe điện, máy bay, | Ruộng đồng, làng xóm, núi non, gò đống, bờ bãi, hình dạng, màu sắc, |   *+ Vì xe đập có nghĩa chỉ riêng một loại xe.*  *+ Vì màu sắc có nghĩa chỉ chung các loại màu.*  - Lắng nghe.  - 1 hs đọc đề bài.  - HS làm bài vào vở- Chia sẻ lớp   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Từ láy có hai tiếng giống nhau ở âm đầu | Từ láy có hai tiếng giống nhau ở vần | Từ láy có hai tiếng giống nhau ở cả âm đầu và vần | | nhút nhát | lạt xạt | Rào rào, he hé |   - HS nêu: Cần xác định các bộ phận được lặp lại**.**  + nhút nhát: lặp lại âm đầu nh  + lạt xạt: lặp lại vần at  *+ Có 3 loại: Láy âm đầu, láy vần, láy cả âm đầu và vần*  - Lắng nghe.  - 3-4 HS đặt câu  - HS trình bày, nhận xét.  - 2HS nêu.  - HS lắng nghe. | Tuân đọc  TL cặp đôi  Theo dõi  Lắng nghe  Lấy ví dụ.  Lắng nghe.  Tuân đọc  HS làm bài vào vở theo HD.  Chữa bài vào VBT.  Lắng nghe.  Tuân nhắc lại.  Lắng nghe.  Đặt câu.  Tuân nêu.  Lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán**

**Tiết 19. BẢNG ĐƠN VỊ ĐO KHỐI LƯỢNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Nhận biết được tên gọi, kí hiệu, độ lớn của đề-ca-gam; hec-tô-gam và gam; Biết chuyển đổi đơn vị đo khối lượng. Biết thực hiện phép tính với số đo khối lượng.

-Phân tích được đề bài, kiểm tra bài làm của mình và nhận xét được bài làm của bạn; Trình bày được bài làm của mình và học thuộc bảng đơn vị đo khối lượng, giải thích kết quả theo câu hỏi của GV.

- phát triển năng lực tự học đọc đề bài và suy nghĩ tìm ra cách giải, làm việc nhóm thảo luận các đơn vị đo khối lượng từ đơn vị lớn đến đơn vị bé và mối quan hệ của chúng; Biết tính toán với các phép tính kèm theo số đo khối lượng; Có trách nhiệm hoàn thành các bài tập được giao.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Nhận biết được tên gọi, kí hiệu, độ lớn của đề-ca-gam; hec-tô-gam và gam;

- Biết thực hiện phép tính với số đo khối lượng.

- GD HS có ý thức học tập nghiêm túc, tự giác.

**\* Bài tập cần làm 1, 2, BT3 (chọn 2 trong 4 phép tính).**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** bảng đơn vị đo khối lượng, SGK, phiếu học tập.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớn hơn ki-lô-gam | | | Ki-lô-gam | Nhỏ hơn ki- lô- gam | | |
|  |  |  |  |  |  |  |

**2. Học sinh:** SGK, bút, vở ô ly, vở nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1.Hoạt động mở đầu**: 5 phút  \* **Khởi động:**  Viết số thích hợp vào chỗ chấm.  1tạ =…….yến 600yến = …….tạ  9 tấn = …….tạ tấn 50 kg = …..kg  5tạ 8 kg = …….kg 8 tạ = …………..yến  - HS và GV nhận xét, tuyên dương đội thắng cuộc.  **\* Kết nối**: GV giới thiệu bài mới:  *+ Nêu tên các đơn vị đo khối lượng đã học?*  - So sánh các đơn vị này với kg.  => Để hệ thống lại lại các kiến thức về đơn vị đo khối lượng và giúp các em học thêm hai đơn vị mới trong bảng đơn vị đo khối lượng cô cùng cả lớp vào bài học hôm nay: Bảng đơn vị đo khối lượng | TBHT điều hành chơi trò chơi truyền điện, chọn hai đội chơi mỗi đội chơi cử đại diện 6 bạn lên bảng mỗi bạn truyền nhau làm một phép tính  - Lắng nghe.  - HS nêu tên: tấn, tạ, yến, gam  + Các đơn vị lớn hơn kg là tấn, tạ , yến.  + Các đơn vị bé hơn kg là gam. | Tham gia chơi cùng bạn.  Lắng nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới** (12’)  **\* Khám phá:** | |  |
| **a.Giới thiệu về Đề-ca- gam, Hec-tô-gam**  + Nêu các đơn vị đo khối lượng đã học?  *+GV đề xuất: Để đo các khối lượng nặng hàng chục gam người ta dùng đơn vị đo nào?*  - GV chốt hai đơn vị là đề-ca-gam và hec-to-gam  - Hướng dẫn cách viết tắt 2 đơn vị:  + Đề - ca - gam viết tắt : dag  + Hec-to-gam viết tắt là hg  *+ GV nêu vấn đề: 1 dag=?g*  *1 hg = ?dag*  *1hg=? g*  *+ So sánh 2 đơn vị mới với kg?*  **b.Lập bảng đơn vị đo khối lượng.**  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4:  *+ Hoàn thành bảng đơn vị đo khối lượng.*   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Lớn hơn kg | | | kg | Nhỏ hơn kg | | | |  |  |  | kg |  |  |  |   + Mỗi đơn vị đo khối lượng gấp mấy lần đơn vị nhỏ hơn và liền kề với nó?  + Mỗi đơn vị đo khối lượng kém mấy lần so với đơn vị lớn hơn và liền kề với nó?  *+ Nhận xét chung về mối quan hệ của các đơn vị đo trong bảng .*  + GV cho HS lấy ví dụ  \* GV chốt *Mỗi đơn vị đo khối lượng liền kề đều gấp kém nhau 10 lần.* | - Hs theo dõi.  - Tấn, tạ, yến, kg, gam.  - HS thảo luận nhóm 2, đề xuất phương án trả lời  - HS đọc tên đơn vị mới  - HS ghi kí hiệu của 2 đơn vị mới.  + *HS thảo luận nhóm 2 và chia sẻ trước lớp: 1 dag= 10g*  *1 hg = 10dag*  *1 hg = 100g*  *+ Hai đơn vị này bé hơn kg*  - HS làm việc nhóm 4 dưới sự điều hành của nhóm trưởng- Chia sẻ trước lớp dưới sự điều hành của TBHT   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Lớn hơn kg** | | | **kg** | **Nhỏ hơn kg** | | | | Tấn  1tấn= 10tạ=  1000kg | Tạ  1tạ = 10yến  =  100kg | Yến  1yến=  10kg | Kg  1kg=  10hg =  1000g | hg  1hg=  10dag  =10g | dag  1dag=  10g | g  1g |   + Mỗi đơn vị đo khối lượng gấp 10 lần đơn vị nhỏ hơn và liền kề với nó.  + Mỗi đơn vị đo khối lượng kém 10 lần so với đơn vị lớn hơn và liền kề với nó  *+ Mỗi đơn vị đo khối lượng liền kề đều gấp kém nhau 10 lần*  + Ví dụ 1 tấn = 10 tạ  10 tạ = 1 tấn  - HS đọc đồng thanh bảng đơn vị đo khối lượng | Theo dõi  Tuân nêu.  Tuân đọc  Quan sát.  TL cùng bạn.  Lắng nghe.  TLN cùng bạn.  Theo dõi.  Tuân nhắc lại  Đọc ĐT |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành (18’)** | |  |
| **Bài 1:** Viết số thích hợp vào chỗ chấm.  - HS đọc yêu cầu.  - Hs làm bài cá nhân, 2 HS làm bảng.  - Chữa bài:  + Nhận xét đúng/ sai.  + Giải thích cách làm?  + Ngoài cách đổi trên ai còn cách đổi khác?  - GV chỉ vào phép tính 7kg =....g  + Ở phép tính này ta đổi từ đơn vị nào ra đơn vị nào?  => Như vậy là ta đổi từ đơn vị lớn ra đơn vị bé ta đổi bằng cách thêm dần chữ số 0 vào bên phải số 7, mỗi lần thêm chữ số 0 các em đọc tên một đơn vị đo liền sau nó, thêm cho đến khi gặp đơn vị gam cần đổi thì các em dừng lại.  + Thêm số 0 thứ nhất vào bên phải số 7 ta đọc tên đơn vị là hec-tô- gam.  + Thêm số 0 thứ hai vào bên phải ta đọc tên đơn vị là đề-ca- gam.  + Thêm số 0 thứ ba vào bên phải ta đọc tên đơn vị là gam, gam là đơn vị cần phải đổi vì thế ta không thêm số 0 nào nữa.  + Hai đơn vị liền kề gấp kém nhau bao nhiêu lần?  - GV nhận xét.  **\* GV kết luận:**HS nắm được mối quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng từ đó thực hiện được các phép đổi.  **Bài 2**: Tính.(chọn 2 phép tính)  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Hs làm bài cá nhân, 2 HS làm bảng.  - Chữa bài:  + Nhận xét đúng sai.  + Giải thích cách làm?  + Khi thực hiện phép tính được kết quả em cần lưu ý điều gì?  **\* GV kết luận:**HS làm quen với các phép tính có đơn vị đo khối lượng.  **Lưu ý**: HS ghi đơn vị vào sau kết quả.  - GV thu vở, nhận xét, đánh giá 5-7 bài  - Yêu cầu các HS đã làm xong trước hoàn thành hết BT2  **Bài 3:** > ; < ; = .  - Gọi HS đọc yêu cầu.  + Để so sánh được ta cần làm gì?  - Hs làm bài cá nhân, 2 hs lên bảng làm.  - Chữa bài:  + Nhận xét đúng sai.  + Giải thích cách làm  + Nêu cách so sánh 3tấn 500kg với 3500kg?  - Chữa bài, nhận xét.  **\* GV kết luận**: cáchbiết đổi, so sánh các đơn vị đo khối lượng.  **4, H.động vận dụng, trải nghiệm (5’)**  - GV gọi HS đọc đề bài.  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  - HS làm bài cá nhân, một HS  làm bảng.  - Chữa bài:  + Nhận xét đúng/ sai.  + Giải thích cách làm?  - Một HS đọc bài giải cả lớp soát bài.  **\* GV kết luận:** Lưu ý danh số của bài toán là ki-lô-gam.  **\* Củng cố- Dặn dò:**  + Nêu lại bảng đơn vị đo khối lượng từ đơn vị lớn đến đơn vị bé và ngược lại?  + Hai đơn vị đo liền nhau gấp kém nhau bao nhiêu lần?  - Nhận xét tiết học, dặn dò HS. | - 1 hs đọc đề bài.  - HS làm bài cá nhân – Chia sẻ nhóm 2– Chia sẻ trước lớp  a) 1dag =…….g; 10g =……dag  1hg = ……dag; 10dag = …hg  b)7 kg =…g; 8hg = …….dag  3kg = ….hg; 4dag =……..g  2kg 300g =……g; 2kg30g=………g  + Mỗi chữ số trong số đo khối lượng đều ứng với với một đơn vị đo. Ta có thể đổi bằng cách thêm dần chữ số 0 vào vào bên phải đơn vị cần đổi , mỗi lần thêm ta cần đọc tên một đơn đơn vị đo liền sau nó, thêm cho đến khi gặp đơn vị cần đổi thì dừng lại.  + Đổi từ đơn vị kg ra g  - Lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu.  - HS làm cá nhân- Chia sẻ trước lớp  Đáp án:  380 g + 195 g = 575 g  928 dag - 274 dag = 654 dag  - Lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu.  - HS làm cá nhân - Nhóm 2 –Lớp.  5 dag = 50 g 4 tạ 30 kg > 4 tạ 3 kg  8 tấn < 8100 kg; 3 tấn500 kg = 3500 kg  - HS làm bài tập 4 SGK  - HS đọc đề bài.  - HS làm vào vở theo gợi ý.  \*Đáp án:  Có tất cả số ki-lô-gam bánh, kẹo là:  4x150 + 2 x 200 = 1000 (g)  Đổi 1000 g = 1 kg  Đáp số: 1 kg  - Ghi nhớ bảng đơn vị đo khối lượng  - Lắng nghe. | Tuân đọc.  Làm bài theo HD.  Chữa bài vào vở.  Lắng nghe.  Tuân đọc HS làm bài theo HD.  Chữa bài vào vở.  Lắng nghe.  Tuân đọc  HS làm bài theo HD.  Chữa bài vào vở.  Lắng nghe.  Theo dõi.  HS làm vào vở theo gợi ý.  Ghi nhớ BDVĐKL  Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tập làm văn**

**TIẾT 7. CỐT TRUYỆN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Bước đầu biết sắp xếp các sự việc chính cho trước thành cốt truyện Cây khế và luyện tập kể lại truyện đó (BT mục III).

- Hiểu thế nào là cốt truyện và ba phần cơ bản của cốt truyện: mở đầu, diễn biến, kết thúc (ND Ghi nhớ).

- Tích cực, tự giác hoàn thành bài tập và nhiệm vụ, biết sắp xếp các sự việc chính cho trước thành cốt truyện Cây khế và luyện tập kể lại truyện đó (BT mục III).

- Tự tin giáo tiếp trình bày ý kiến, hợp tác nhóm để xác định cốt truyện và ba phần cơ bản của cốt truyện: mở đầu, diễn biến, kết thúc; HS ý thức tích cực, tự giác học bài; Yêu thích câu chuyện cổ tích Việt Nam qua câu chuyện học tập được sự yêu thương, sống nhân hậu.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Bước đầu biết sắp xếp các sự việc chính cho trước thành cốt truyện Cây khế.

- Hiểu thế nào là cốt truyện và ba phần cơ bản của cốt truyện.

- Giáo dục HS lòng yêu thương, sống nhân hậu.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Giấy khổ to+ bút dạ; Hai bộ băng giấy – mỗi bộ gồm 6 băng giấy viết các sự việc ở bài 1.

**2. Học sinh:** SGK, VBT, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1.Hoạt động mở đầu:** 5 phút  \* **Khởi động:**  - Gọi HS kể lại một câu chuyện đã nghe, đã đọc.  - GV nhận xét, dẫn vào bài mới  - GV hỏi:  + Thế nào là kể chuyện?  **\* Kết nối**: GV giới thiệu: Chuỗi sự việc có đầu có cuối ấy làm nên một lòng cốt trong mỗi câu chuyện. Nòng cốt ấy gọi là gì? Để trả lời câu hỏi này cô trò chúng ta cùng học bài: “Cốt truyện” | - 1 HS kể  + Kể chuyện là kể lại một chuỗi sự việc có đầu có cuối, liên quan đến một hay một số nhân vật.  - Lắng nghe. | Theo dõi  Lắng nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (12’)**  **\* Khám phá:** | |  |
| ***Bài 1***:  Ghi lại những sự việc chính trong truyện “ Dế Mèn bênh vực kẻ yếu”  + *Theo em thế nào là sự việc chính?*  - Yêu cầu HD làm việc theo nhóm 4 theo kĩ thuật khăn trả bàn: ghi lại những sự việc chính trong truyện “Dế Mèn bênh vực kẻ yếu”, GV đi giúp đỡ từng nhóm. Nhắc nhở HS chỉ ghi một sự việc bằng một câu.  - Các nhóm xong trước báo cáo kết quả, dưới sự điều hành của TBHT  - GV tóm tắt lại các sự việc  ***Bài 2:***  *+ Chuỗi các sự việc như bài 1 được gọi là cốt truyện của truyện Dế Mèn bênh vực kẻ yếu.Vậy cốt truyện là gì?*  ***Bài 3****:*  - Gọi HS đọc y/c.  *+ Sự việc 1 cho em biết điều gì?*  *+ Sự việc 2, 3, 4 kể lại những chuyện gì?*  *+ Sự việc 5 nói lên điều gì?*  **\* GV Kết luận:**  + Sự việc khơi nguồn cho những sự việc khác là phần mở đầu của truyện.  + Các sự việc chính kế tiếp theo nhau nói lên tính cách nhân vật, ý nghĩa của truyện là phần diễn biến của truyện.  + Kết quả của các sự việc ở phần mở đầu và phần chính là phần kết thúc của truyện  *+ Nêu cấu tạo của môt cốt truyện?*  **\* Ghi nhớ:** | - 1 HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  *+ Sự việc chính là những sự việc quan trọng, quyết định diễn biến câu chuyện mà khi thiếu nó câu chuyện không còn đúng nội dung và hấp dẫn nữa.*  - HD làm việc theo nhóm 4 dưới sự điều hành của nhóm trưởng  + Sự việc 1: Dế Mèn gặp Nhà Trò ngồi khóc bên tảng đá.  + Sự việc 2: Dế Mèn gạn hỏi, Nhà Trò kể lại tình cảnh khốn khó bị bọn Nhện ức hiếp và đòi ăn hiếp.  + Sư việc 3: Dế Mèn phẫn nộ cùng Nhà Trò đi đến chỗ mai phục của bọn nhện.  + Sự việc 4: Gặp bọn nhện, Dế Mèn ra oai, lên án sự nhẫn tâm của chúng, bắt chúng phá vòng vây hãm Nhà Trò.  + Sự việc 5: Bọn nhện sợ hãi phải nghe theo, Nhà Trò được tự do.  - Lắng nghe.  *+ Cốt truyện là một chuỗi sự việc làm nòng cốt cho diễn biến của truyện.*  - HS đọc y/c.  *+ Sự việc 1 nêu nguyên nhân Dế Mèn bênh vực Nhà Trò.*  *+ Sự việc 2, 3, 4 kể lại Dế Mèn đã bênh vực Nhà Trò như thế nào?*  *+ Sự việc 5 nói lên kết quả của câu chuyện*  - Lắng nghe.  *+ Có 3 phần: phần mở đầu, phần diễn biến, phần kết thúc.*  - 2 HS đọc ghi nhớ. | Tuân đọc  Lắng nghe  Làm việc nhóm 4.  Theo dõi bạn trình bày.  Lắng nghe.  Tuân nhắc lại.  Tuân đọc  Lắng nghe  Tuân nhắc lại. |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập ( 18’)** | |  |
| ***Bài 1:*** Truyện cổ tích *Cây khế* bao gồm các sự việc chính sau. Hãy sắp xếp các sự việc chính sau thành cốt truyện..  - Gọi 1 HS nêu yêu cầu  - Yêu cầu HS sắp xếp các sự việc thành cốt truyện  - Gọi HS Phát biểu ý kiến, nhận xét,bổ sung và hoàn thiện bài.  ***Bài 2:***  Dựa vào cốt truyện, kể lại truyện Cây khế.  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - TBHT điều khiển kể chuyện dưới sự hỗ trợ của GV:  - Tổ chức cho HS thi kể.  + Lần 1: Thi kể bằng cách kể lại đúng các sự việc đã sắp xếp.  + Lần 2: Thi kể bằng cách thêm bớt một số câu văn, hình ảnh, lời nói để câu chuyện thêm hấp dẫn, sinh động.  - Nhận xét đánh giá theo tiêu chí:  + Kể đủ nội dung, theo cốt chuyện.  + Diễn đạt dễ nghe,có sáng tạo trong lời kể  - GV nhận xét, khen/ động viên  **\* GV kết luận:** Khi kể chuyện chúng ta cần kể đủ nội dung, theo cốt chuyện, chúng ta cũng có thể kể bằng cách thêm bớt một số câu văn, hình ảnh, lời nói để câu chuyện thêm hấp dẫn, sinh động. Diễn đạt dễ nghe,có sáng tạo trong lời kể.  **4*.* Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (5’)**  **-** GV yêu cầu HS kể cho bạn cùng bàn nghe về câu chuyện đã được nghe và được đọc có đầy đủ cốt truyện và ba phần cơ bản của cốt truyện: mở đầu, diễn biến, kết thúc và chỉ ra đâu là mở đầu, diễn biến, kết thúc.  - GV quan sát nhận xét, tuyên dương HS.  + Câu chuyện bạn kể đã đủ 3 phần chưa?  + Câu chuyện bạn kể có ý nghĩa như thế nào?  **\* GV kết luận**: Các em lưu ý kể câu chuyện luôn cần có ba phần cơ bản của cốt truyện: mở đầu, diễn biến, kết thúc và câu chuyện cần có ý nghĩa câu chuyện.  **\* Củng cố- Dặn dò:**  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò HS về nhà kể lại câu chuyện cho người thân nghe. | - HS thảo luận cặp đôi và sắp xếp các sự việc bằng cách đánh dấu các sự việc theo số thứ tự- Chia sẻ trước lớp  Đ/a: 1b- 2d - 3a -4c – 5e – 6g.  - HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - HS tập kể lại truyện trong nhóm dưới sự điều hành của nhóm trưởng  - HS thi kể, HS nhận xét, bình chọn bạn kế đúng, hay.  - Lắng nghe.  - HS chia sẻ câu chuyện mình đã được nghe được đọc và kể lại cho bạn nghe.  - Lắng nghe.  - Kể lại câu chuyên *Cây khế* cho người thân nghe  - Học thuộc ghi nhớ, tập xây dựng cốt truyện. | TL cặp đôi  Sắp xếp các sự việc thành cốt truyện.  Thực hiện.  Tập kể  Theo dõi.  Lắng nghe.  Chia sẻ câu chuyện với bạn.  Lắng nghe.  Thực hiện ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Lịch sử**

**BÀI 3. NƯỚC ÂU LẠC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Biết những điểm giống nhau của người Lạc Việt và Âu Việt; HS biết nước Âu Lạc là sự tiếp nối của nước Văn Lang; Những thành tựu của người Âu Lạc (chủ yếu về mặt quân sự).

- Nắm được một cách sơ lược cuộc kháng chiến chống Triệu Đà của nhân dân Âu Lạc: Triệu Đà nhiều lần kéo quân sang xâm lược Âu Lạc. Thời kì đầu do đoàn kết, có vũ khí lợi hại nên giành được thắng lợi; nhưng về sau do An Dương Vương chủ quan nên cuộc kháng chiến thất bại.

- Hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo khi thảo luận nhóm để tìm hiểu sơ lược cuộc kháng chiến chống Triệu Đà của nhân dân Âu Lạc; Giáo dục HS không chủ quan, lơ là trong mọi tình huống.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- HS biết được để có sức khoẻ tốt phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn và thường xuyên thay đổi món.

- Biết cách chọn lựa các loại thức ăn tốt cho sức khoẻ và cân đối theo tháp dinh dưỡng.

- HS có ý thức uống đầy đủ và đa dạng thực phẩm để có đầy đủ chất dinh dưỡng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Lược đồ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ; Hình trong SGK phóng to; Phiếu học tập của HS.

**2. Học sinh:** SGK, vở ô ly, bút.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(3p)**  **\*Khởi động:**  ***-*** Em hãy mô tả một số nét về đời sống tinh thần của người Lạc Việt?  - Em biết những tục lệ nào của người Lạc Việt còn tồn tại đến ngày nay ?  - Nhận xét, tuyên dương HS.  **\* Kết nối**: GV giới thiệu vào bài. | - 2 HS trả lời.  - Lắng nghe. | Theo dõi  Lắng nghe. |
| **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới(30p)**  **\* Khám phá:** | |  |
| **HĐ1: So sánh cuộc sống của người Lạc Việt và người Âu Việt**  - GV yêu cầu HS đọc SGK và trả lời các câu hỏi sau:  + Người Âu Việt sống ở đâu ?  + Đời sống của người Âu Việt và người Lạc Việt có những đặc điểm gì giống nhau ?  + Người dân Âu Việt và Lạc Việt sống với nhau như thế nào?  - Yêu cầu học sinh nhận xét.  - GV nhận xét.  **\*GV kết luận:** *Người Âu Việt sống ở mạn Tây Bắc của nước Văn Lang, cuộc sống của họ có nhiều nét tương đồng với cuộc sống của người Lạc Việt, người Âu Việt và người Lạc Việt sống hoà hợp với nhau.*  **HĐ 2: Sự ra đời nước Âu Lạc:**  - GV phát phiếu cho các nhóm, yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 (3 phút) hoàn thành phiếu học tập:  + Vì sao người Âu Việt và người Lạc Việt lại hợp nhất với nhau tạo thành một nước?  + Ai là người có công hợp nhất đất nước của người Âu Việt và người Lạc Việt?  + Nhà nước của người Âu Việt và người Lạc Việt có tên là gì? Đóng đô ở đâu?  - TBHT điều khiển các nhóm lên báo cáo kết quả.  - Yêu cầu HS xác định trên lược đồ hình 1 nơi đóng đô của nước Âu Lạc.  - Nhà nước tiếp sau nhà nước Văn Lang là nhà nước nào ? Nhà nước này ra đời vào thời gian nào ?  - Yêu cầu HS về nhà tìm đọc các tác phẩm liên qua đến An Dương Vương: Mị Châu - Trọng Thuỷ, An Dương Vương xây thành Cổ Loa,...  **\* GV kết luận:** *Người Âu Việt và người Lạc Việt sống gần nhau, lại có nhiều điểm tương đồng. Cuối thế kỉ III TCN, trước yêu cầu chống giặc ngoại xâm họ đã liên kết với nhau. Dưới sự lãnh đạo của Thục Phán, họ đã chiến thắng quân xâm lược Tần và lập ra một nước chung là nước Âu Lạc. Nước Âu Lạc là sự tiếp nối của nhà nước Văn Lang.*  **HĐ 3: Những thành tựu của người dân Âu Lạc.**  - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi đọc SGK và quan sát hình minh hoạ, trả lời câu hỏi:  - Người Âu Lạc đã đạt được những thành tựu gì trong cuộc sống:  + Về xây dựng ?  + Về sản xuất ?  + Về làm vũ khí ?  - So sánh sự khác nhau về nơi đóng đô của nước Văn Lang và nước Âu Lạc?  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  - GV nhận xét, giới thiệu thành Cổ Loa trên lược đồ khu di tích Cổ Loa ngày nay: Cổ Loa là vùng đất cao ráo, dân cư đông đúc nằm ở trung tâm của nước Âu Lạc, là đầu mối giao thông đường thủy lớn. Từ đây có thể theo sông Hồng, sông Đáy xuôi về vùng đồng bằng, cũng có thể lên vùng rừng núi đông bắc qua sông Cầu, sông Thương. Chính vì vậy nên Thục Phán An Dương Vương đã chọn đóng đô ở Cổ Loa.  - Hãy nêu tác dụng của thành Cổ Loa và nỏ thần.  **\* GV kết luận:** Người Âu Lạc đạt được nhiều thành tựu trong cuộc sống, trong đó thành tựu rực rỡ nhất là về sự phát triển quân sự thể hiện ở việc bố trí thành Cổ Loa và chế tạo nỏ bắn được nhiều mũi tên một lần.  **HĐ 4:** **Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Triệu Đà của nhân dân Âu Lạc.**  - HS đọc thầm đoạn: “*Từ năm 207 TCN … phong kiến phương Bắc*”.  - 3 HS dựa vào SGK kể lại cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Triệu Đà của nhân dân Âu Lạc  - Vì sao cuộc xâm lược của Triệu Đà bị thất bại ?  - Vì sao năm 179 TCN, nước Âu Lạc lại rơi vào ách đô hộ của phong kiến phương Bắc?  - Yêu cầu HS nhận xét.  - GV nhận xét.  **\* GV kết luận:** *Nhờ tinh thần đoàn kết một lòng chống giặc ngoại xâm lại có tướng chỉ huy giỏi, vũ khi tốt, thành lũy kiên cố nên đã nhiều lần Triệu Đà kéo quân sang xâm lược nước Âu Lạc đều bị thất bại. Nhưng đến năm 179 TCN Triệu Đà đã dùng kế hoãn binh, cho con trai là Trọng Thủy sang làm rể của An Dương Vương để điều tra cách bố trí lực lượng và chia rẽ nội bộ những người đứng đầu nhà nước Âu Lạc. Từ đó, nước Âu Lạc rơi vào ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc.*  **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (5’):**  - Do đâu mà Triệu Đà đã đạt được mục đích của mình?  **\* GV kết luận:** *Do chủ quan và tin tưởng con rể của mình nên An Dương Vương đã thua trận, phải nhảy xuống biển tự vẫn. Vì vậy, các em không được chủ quan, lơ là trong mọi tình huống của cuộc sống vì chỉ một sơ suất nhỏ thôi là chúng ta có thể thất bại trước âm mưu của kẻ xấu các em nhé.*  - Qua bài ngày hôm nay các em hãy cho cô biết:  + Nêu những thành tựu đặc sắc về quốc phòng của người dân Âu Lạc.  + Quân Triệu Đà đã chiếm được Âu Lạc vào thời gian nào?  - Đó cũng chính là nội dung phần ghi nhớ SGK T17.  - Yêu cầu HS đọc ghi nhớ.  **\* Củng cố - dặn dò:**  *-* GV tổng kết nội dung bài.  - Nhận xét tiết học. | - Đọc nội dung 1 SGK.    + Sống ở mạn Tây Bắc của người Văn Lang.  + Người Âu Việt và người Lạc việt cùng biết: Trồng lúa, chế tạo đồ đồng, biết Trồng trọt, chăn nuôi, đánh cá. Bên cạnh đó họ còn có phong tục tập quán giống nhau.  - Họ sống hoà hợp với nhau.  - HS khác nhận xét, bổ sung  - Lắng nghe.  - Các nhóm thảo luận – Chia sẻ trước lớp  + Vì họ có chung một kẻ thù ngoại xâm  + Thục phán An Dương Vương  + Nhà nước Âu Lạc. Kinh đô ở vùng Cổ Loa, thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội ngày nay.  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung  - HS lên chỉ lược đồ.  Nhà nước tiếp sau nhà nước Văn Lang là nhà nước Âu Lạc. ra đời khoảng dầu TK III, TCN.  - TH ở nhà.  - Lắng nghe.  - HS thảo luận.  + Về xây dựng: Người Âu Lạc đã xây dựng được thành Cổ Loa có kiến trúc ba vòng hình ốc.  + Về sản xuất: Họ sử dụng rộng rãi các lưỡi cày bằng đồng, biết kỹ thuật rèn sắt.  + Về vũ khí: Chế tạo được nỏ một lần bắn được nhiều mũi tên.  - Nước Văn Lang đóng đô ở Phong Châu là vùng rừng núi còn người Âu Lạc đóng đô ở vùng đồng bằng.  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung  - Lắng nghe.  - Thành Cổ Loa là nơi có thể tấn công và phòng thủ, vừa là căn cứ của bộ binh, vừa là căn cứ của thủy binh. Thành lại phù hợp với việc sử dụng cung nỏ, nhất là loại nỏ bắn được nhiều mũi tên một lần mà người Âu Lạc chế tạo được.  - HS đọc.  - Vì người dân Âu Lạc đoàn kết một lòng chống giặc ngoại xâm.  - Vì Triệu Đà dùng kế hoãn binh cho con trai sang làm rể để điều tra lực lượng và chia rẽ nội bộ nước Âu Lạc.  - Lắng nghe.  - Do An Dương Vương chủ quan, tin tưởng con rể.  + Kĩ thuật chế tạo ra nỏ bắn được nhiều mũi tên và việc xây dựng thành Cổ Loa là những thành tựu đặc sắc về quốc phòng của người dân Âu Lạc.  + Năm 179 TCN, quân Triệu Đà đã chiếm được Âu Lạc.  - 2HS đọc ghi nhớ.  - Lắng nghe. | Đọc ND 1 SGK.  Tuân nêu  Theo dõi  Tuân nêu.  Lắng nghe.  TLN cùng bạn.  Lắng nghe.  Theo dõi  Quan sát  Lắng nghe.  Đọc ND SGK.  Theo dõi  Lắng nghe  Theo dõi  Tuân đọc  Lắng nghe.  Theo dõi  Lắng nghe, hiểu.  Tuân nhắc lại.  Lắng nghe.  Tuân nhắc lại.  Tuân đọc.  Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

***Thời gian thực hiện: Thứ sáu ngày 01 tháng 10 năm 2021***

**Toán**

**TIẾT 20. GIÂY, THẾ KỈ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Có ý niệm về giây - thế kỷ: Biết mối quan hệ giữa giây và phút, giữa thế kỷ và năm; Quy đổi được các đơn vị dựa vào mối quan hệ: xác định một năm cho trước thuộc thế kỉ nào.

-Phân tích được đề bài, kiểm tra bài làm của mình và nhận xét được bài làm của bạn; Trình bày được bài làm của mình và giải thích kết quả theo câu hỏi của GV.

- Phát triển năng tự học tự quan sát và tìm hiểu mối quan hệ của giờ, phút, giây, thế kỉ; Biết hợp tác, làm việc nhóm trao đổi chia sẻ cách giải bài tập; Có trách nhiệm hoàn thành các bài tập được giao; Biết tôn trọng thời giờ; Yêu kính Bác Hồ, tự hào dân tộc.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Biết mối quan hệ giữa giây và phút, giữa thế kỷ và năm.

- Trình bày được bài làm của mình theo hướng dẫn của GV.

- Giáo dục HS biết tôn trọng thời giờ; Yêu kính Bác Hồ, tự hào dân tộc.

**\* Bài tập cần làm BT1, BT2(a,b).**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Một chiếc đồng hồ thật, loại có cả ba kim giờ, phút, giây và có các vạch chia theo từng phút; Bảng phụ vẽ trục thời gian như SGK.

**2. Học sinh:** SGK, VBT, nháp, bút.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu**: (5’)  **\* Khởi động:**  **-** Chơi trò chơi Chuyền điện  - Nêu tên các đơn vị đo khối lượng đã học.  + Mỗi đơn vi đo khối lượng liền kề gấp kém nhau bao nhiêu lần?  - GV nhận xét,  **\* Kết nối**: GV dẫn vào bài mới:  + Ở lớp dưới các em đã được học những đơn vị đo thời gian nào?  => Giờ toán hôm nay các em tiếp tục làm quen với hai đơn vị đo thời gian nữa đó là giây và thế kỉ. | - HS cùng chơi dưới sự điều hành của TBHT  - 10 lần.  + Giờ và phút.  - Lắng nghe. | Tham gia chơi cùng bạn.  Lắng nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (12’)** | |  |
| **\* Khám phá:**  **a. Giới thiệu về giây.**  - GV cho HS quan sát mặt đồng hồ thật yêu cầu HS chỉ kim giờ và kim phút trên mặt đồng hồ.  - GV yêu cầu HS quan sát và trả lời câu hỏi  *+ Khoảng thời gian kim giờ đi từ một số nào đó đến số liền ngay sau đó là bao nhiêu giờ?*  *+ Khoảng thời gian kim phút đi từ một vạch đến vạch liền ngay sau đó là bao nhiêu phút?*  *+ Một giờ bằng bao nhêu phút?*  *-* GV chỉ chiếc kim còn lại trên mặt đồng hồ và hỏi:  + Bạn nào biết kim thứ ba này là kim chỉ *gì ?*  - GV giới thiệu:Chiếc kim thứ ba trên mặt đồng hồ chính là kim giây.  *+ Khoảng thời gian kim giây đi từ một vạch nào đó đến vạch liền ngay sau đó là bao nhiêu giây?*  => GV chỉ cho HS quan sát trên mặt đồng hồ để biết được khi kim giây đi được từ vạch này sang vạch kế tiếp liền sau là 1 giây.  - Cho HS ước lượng thời gian đứng lên, ngồi xuống xem là bao nhiêu giây?  + Một vòng trên mặt đồng hồ là 60 vạch, vậy kim phút chạy được 1 phút thì kim giây chạy được bao nhiêu?  + Vậy 1 phút bằng bao nhiêu giây?  **b. Giới thiệu về thế kỉ.**  \* GV giới thiệu: Để tính những khoảng thời gian dài 100 năm, người ta dùng đơn vị đo là thế kỉ và cứ 1 thế kỉ = 100 năm.  - GV trình chiếu tranh vẽ trục thời gian như SGK và giới thiệu:  + Đây được gọi là trục thời gian. Trên trục thời gian, 100 năm hay 1 thế kỉ được biểu diễn là khoảng cách giữa hai vạch dài liền nhau. Người ta tính mốc các thế kỉ như sau:  - Từ năm 1 đến năm 100 là thế kỉ một. (Viết: thế kỉ I)  - Từ thế kỉ 101 đến năm 200 là thế kỉ thứ hai. (Viết: thế kỉ II)  - Từ thế kỉ 201 đến năm 300 là thế kỉ thứ ba (Viết: thế kỉ III)  - Từ thế kỉ 301 đến năm 400 là thế kỉ thứ tư. (Viết: thế kỉ IV)  - Từ năm 1900 đến năm 2000 là thế kỉ thứ hai mươi (Viết: thế kỉ XX)  - Từ năm 2001 đến nay là thế kỉ thứ hai mươi mốt (Viết: thế kỉ XXI)  + Người ta dùng chữ số La Mã để ghi kí hiệu thế kỉ.  *+ Năm 1975 thuộc thế kỉ nào?*  *+ Năm 1879 thuộc thế kỉ nào?*  *+ Năm 2000 thuộc thế kỉ nào?*  *+ Năm 2005 thuộc thế kỉ nào?*  *+ Em sinh vào năm nào? năm đó thuộc thế kỉ bao nhiêu?*  **\* GV kết luận**: Cô thấy các em nắm tương đối tốt mối quan hệ giữa giây và phút, giữa thế kỷ và năm. Để các em nắm tốt hơn nữa mối quan hệ thời gian. Quy đổi được các đơn vị dựa vào mối quan hệ cô trò chúng ta cùng đi làm các bài tập SGK. | - HS quan sát chỉ theo yêu cầu.  - Hs quan sát sự chuyển động của kim đồng hồ, và trả lời các câu hỏi  *+ Kim giờ đi từ 1 số đến số tiếp liền sau là 1 giờ.*  *+ Là 1 phút*  *+ 1 giờ = 60 phút.*  - HS nêu theo hiểu biết  *+ Là 1 giây*  - Hs đếm khoảng thời gian.  - Hs theo dõi, lấy ví dụ thực hành.  + Là 60 giây  + 1 phút = 60 giây  *-* HS quan sát, lắng nghe.  *+ Thế kỉ 20*  *+ Thế kỉ 19*  *+ Thế kỉ 20*  *+Thế kỉ 21*  - HS tự nêu  - Lắng nghe. | Quan sát  Hs theo dõi.  Tuân nhắc lại  Tuân nhắc lại.  Lắng nghe.  HS đếm khoảng thời gian.  Tuân nhắc lại  Tuân nêu.  HS quan sát, lắng nghe.  Theo dõi.  Tự nêu.  Lắng nghe. |
| **3. Hoạt động luyện tập** | |  |
| **Bài 1**:  - HS đọc yêu cầu.  - Chữa bài:  + Nhận xét đúng sai.  + Giải thích cách làm?  + Để chuyển từ đơn vị phút sang giây ta làm như thế nào?  + Để chuyển từ phút sang giờ ta làm như thế nào?  - Đổi chéo vở kiểm tra.  - GV nhận xét.  \***GV kết luận**: Các em cần dựa vào mối quan hệ giữa các đơn vị đo thời gian để làm bài tập  **Bài 2:**  - GV tổ chức cho HS làm theo nhóm đôi, một bạn hỏi, một bạn trả lời.  - Gọi đại diện hại nhóm trình bày trước lớp.  *a/ Bác Hồ sinh năm 1890, Bác Hồ sinh vào thế kỉ nào?*  *b/ Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước năm 1911, Bác Hồ ra ....vào thế kỉ nào?*  *c/ Bà Triệu lãnh đạo khởi nghĩa chống quân Đông Ngô năm 248. Năm đó thuộc thế kỉ nào ?*  - GV chữa bài, nhận xét.  **\*GV kết luận**: cách tính thế kỉ và giáo dục lòng yêu kính Bác Hồ, tự hào truyền thống dân tộc.  **Bài 3:**  - HS đọc yêu cầu.  - HS làm nhóm bàn.  - Tổ chức cho HS thi làm nhanh.  - Chữa bài:  + Giải thích cách làm?  + Để tính khoảng thời gian dài bao lâu, ta làm ntn?  - Nhận xét tuyên dương đội thắng  **\* GV kết luận*:*** Ngoài việc tính xem năm cho trước thuộc thế kỉ nào , còn phải tính khoảng thời gian từ năm đó cho đến nay là bao nhiêu năm .  **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (5’)**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi hái hoa dân chủ, HS lên chọn một bông hoa mình thích và trong mỗi bông hoa sẽ có một câu hỏi, ai trả lời đúng câu hỏi sẽ được phần thưởng của cô giáo.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **5. Củng cố- dặn dò**: 2 phút  - GV củng cố lại bài học  - Nhận xét tiết học  - Dặn HS về nhà hoàn thành bài tập. | *-* Viết số thích hợp vào chỗ chấm.  - HS làm bài cá nhân, 3 HS làm bảng.  - HS đọc bài.  a)1 phút = ……giây  60 giây =……phút  2 phút = ....giây  1/3 phút = ...giây  b)1 thế kỉ = …..năm  100 năm = .... thế kỉ  5 thế kỉ =…….năm  1/2 thế kỉ = ..... năm  - Hs đọc yêu cầu đề, làm việc nhóm 2 và chia sẻ trước lớp  *+ năm 1890 thuộc thế kỉ 19*    *+ năm 1911 thuộc thế kỉ 20*  *+ năm 1945 thuộc thế kỉ 20*    *+ năm 248 thuộc thế kỉ 3*  - Lắng nghe.  \*Đáp án:  a) Lí Thái Tổ dời đô về Thăng Long năm 1010. Năm đó thuộc thế kỉ XI  Tính đến nay đã được 1010 năm.  + Ta lấy 2020 – 2010 = 1010  b) - Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938. Năm đó thuộc thế kỉ 10. Tính đến nay đã được 1082 năm.  + Ta lấy 2020 – 938 = 1082  - HS tham gia trò chơi  \* Năm 40 thuộc thế kỉ:……  \* Năm 968 thuộc thế kỉ:…………..  \* Năm 1428 thuộc thế kỉ:………….  \* Năm 1917 thuộc thế kỉ:…….  - Lắng nghe.  - TH ở nhà. | Tuân đọc  Làm bài theo HD  Theo dõi  Chữa bài vào vở.  Tuân đọc  TLN đôi  Theo dõi  Lắng nghe.  Chữa bài vào vở.  Tham gia chơi cùng bạn.  Lắng nghe, TH ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tập làm văn**

**TIẾT 8. LUYỆN TẬP XÂY DỰNG CỐT TRUYỆN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Dựa vào gợi ý về nhân vật và chủ đề (SGK), xây dựng được cốt truyện có yếu tố tưởng tượng gần gũi với lứa tuổi thiếu nhi. Kể lại câu chuyện theo cốt truyện một cách hấp dẫn.

- Biết cách xây dựng cốt truyện.

- Tích cực, tự giác, tự học hoàn thành bài tập và nhiệm vụ được giao xây dựng được cốt truyện có yếu tố tưởng tượng gần gũi với lứa tuổi thiếu nhi; Biết hợp tác nhóm, sử dụng ngôn ngữ để kể lại câu chuyện theo cốt truyện một cách hấp dẫn; Giáo dục HS tính trung thực, lòng hiểu thảo với cha mẹ.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- Biết làm được bài tập theo hướng dẫn của GV.

**-** Giáo dục HS tính trung thực, lòng hiểu thảo với cha mẹ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Bảng phụ ghi sẵn đầu bài và câu hỏi gợi ý, giấy khổ to và bút dạ.

**2. Học sinh:** SGK, sách Truyện đọc 4, VBT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1.Hoạt động mở đầu*:* 5 phút**  **\* Khởi động:**  *+ Em hiểu thế nào là cốt truyện ? Cốt truyện gồm có mấy phần ?*  - Yêu cầu 1 HS kể lại câu chuyện: Cây khế dựa vào cốt truyện đã có.  **\* Kết nối**: GV nhận xét, giới thiệu bài mới: *Tiết tập làm văn hôm nay sẽ giúp các em xây dựng cốt truyện. Lớp mình cùng thi xem bạn nào có trí tưởng tượng phong phú, ham thích làm văn kể chuyện.* | - 1HS nêu.  - 1 HS kể.  - Lắng nghe. | Lắng nghe.  Theo dõi  Lắng nghe. |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành (30’)** | |  |
| **\* Nhận xét**  ***Đề bài: Hãy tưởng tượng và kể lại vắn tắt một câu chuyện có ba nhân vật: bà mẹ ốm, người con bằng tuổi em và một bà tiên.***  *+ Muốn xây dựng cốt truyện cần chú ý đến điều gì ?*  **\*GV kết luận**: Khi xây dựng cốt truyện các em chỉ cần ghi vắn tắt các sự việc chính.Mỗi sự việc chỉ cần ghi lại một câu.  ***\* Lựa chọn chủ đề và xây dựng cốt chuyện***  - GV yêu cầu HS chọn chủ đề.  - Gọi HS đọc gợi ý 1.  *1. Người mẹ ốm như thế nào?*    *2. Người con chăm sóc mẹ như thế nào?*    *3. Để chữa khỏi bệnh cho mẹ, người con gặp những khó khăn gì?*    *4. Người con đã quyết tâm như thế nào?*    *5. Bà tiên đã giúp hai mẹ con như thế nào?*  - Gọi HS đọc gợi ý 2  *6. Để chữa khỏi bệnh cho mẹ, người con gặp những khó khăn gì?*  *7. Bà tiên làm như thế nào để thử thách lòng trung thực của người con?*  *8. Cậu bé đã làm gì?* | - 2 HS đọc đề bài  - HS lên bảng gạch chân các từ ngữ quan trọng  *-..lí do xảy ra câu chuyện, diễn biến câu chuyện, kết thúc câu chuyện*  - Lắng nghe  - HS tự do phát biểu chủ đề mình lựa chọn.  1. Người mẹ ốm rất nặng / ốm liệt giường / ốm khó mà qua khỏi.  2.Người con thương mẹ, chăm sóc tận tuỵ bên mẹ ngày đêm.Người con dỗ mẹ ăn từng thìa cháu./ Người con đi xin thuốc lá về nấu cho mẹ uống /.  3. Người con phải vào tận rừng sâu tìm một loại thuốc quý /người con phải tìm một bà tiên già sống trên ngọn núi cao./Người con phải trèo đèo, lội suối tìm loại thuốc quý./ Người con phải cho thần Đêm Tối đôi mắt của mình./  4. Người con gởi mẹ cho hàng xóm rồi lặn lội vào rừng.Trong rừng người con gặp nhiều thú dữ nhưng chúng đều thương tình không ăn thịt./ Người con phải chịu gai cào, chân bị đá đâm chảy máu, bụng đói để trèo lên núi tìm bà tiên./ Người con đành chấp nhận cho thần Đen Tối đôi mắt của mình để lấy thuốc cứu mẹ …  5. Bà tiên cảm động trước tấm lòng hiếu thảo của người con và hiện ra giúp cậu./ Bà tiên hiền lành mở cửa đón cậu, cho thuốc quý rồi phẩy tay trong mắt cậu đã về đến nhà./ Bà tiên cảm động cho cậu bé thuốc và bắt thần Đêm Tối trả lại đôi mắt cho cậu /…  - 2 HS đọc thành tiếng  6. Nhà rất nghèo không có tiền mua thuốc./ Nhà cậu chẳng còn thứ gì đáng giá cả.Mà bà con hàng xóm cũng không thể giúp gì cậu?  7. Bà tiên biến thành cụ già đi đường, đánh rơi một túi tiền./ Bà tiên biến thành người đưa cô đi tìm loại thuốc quý tới một cái hang đầy tiền, vàng và xui cậu lấy tiền để sau này có cuộc sống sung sướng /..  8. Cậu thấy phía trước một bà cụ già khổ sở.Cậu đoán đó là tiền của cụ cũng dùng để sống và chữa bệnh. Nếu bị đói cụ cũng ốm như mẹ cậu.Cậu chạy theo và trả lại cho bà./ Cậu bé không lấy tiền mà chỉ xin cụ dẫn đường cho mình đến chỗ có loại thuốc quý. | Tuân đọc  Theo dõi  Lắng nghe.  Lựa chọn theo HD.  Tuân nêu.  Tuân nêu.  Lắng nghe.  Theo dõi  Tuân nhắc lại.  Tuân đọc  Lắng nghe  Theo dõi |
| **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (5’)** | |  |
| - Kể trong nhóm: Yêu cầu HS kể trong nhóm theo tình huống mình chọn dựa vào các câu hỏi gợi ý  - Kể trước lớp: GV phối hợp cùng TBHT điều hành  + Gọi HS tham gia thi kể.Gọi lần lượt 1 HS kể theo tình huống 1 và một HS kể theo tình huống 2.  + Gọi HS nhận xét, đánh giá lời kể của bạn.  - Nhận xét, khen/động viên.  **\* GV kết luận**: kể lại câu chuyện theo cốt truyện một cách hấp dẫn và nêu được ý nghĩa của truyện  + Giáo dục HS lòng hiếu thảo và tính trung thực  **\* Củng cố - dặn dò:**  - Gọi HS nhắc lại cách xây dựng cốt truyện.  - Nhận xét tiết học  - Dặn dò HS về nhà kể lại câu chuyện cho người thân nghe và xây dựng được cốt truyện theo gợi ý. | - Kể chuyện theo nhóm, 1 HS kể, các em khác lắng nghe, bổ sung, góp ý cho bạn  - HS thi kể trước lớp.  - Nhận xét, đánh giá lời kể của bạn, bình chọn một bạn kể hay nhất, 1 bạn tưởng tượng ra cốt truyện hấp dẫn mới lạ.  - Lắng nghe.  Vài HS nhắc lại: Để xây dựng được một cốt truyện, cần hình dung được:   * + Các nhân vật của truyện.   + Chủ đề của truyện   + Biết tưởng tượng ra diễn biến   của truyện sao cho hợp lí, tạo nên một cốt truyện có ý nghĩa  -Hs lắng nghe  - Hãy tưởng tượng câu chuyện theo bối cảnh hiện tại: Người con nhặt được chiếc ví tiền của một người giàu có. | HS kể trong nhóm  Lắng nghe.  Nhận xét  Lắng nghe.  Lắng nghe, ghi nhớ.  Lắng nghe và thực hiện ở nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

...................................................................................................................................................................................................................................................................

**SINH HOẠT TUẦN 4**

## A. Sinh hoạt

## I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS nhận biết được những ưu nhược điểm của cá nhân cũng như của tập thể lớp trong tuần vừa qua.

- Biết tự nhận xét và sửa chữa, rút kinh nghiệm trong các tuần tới.

- Nâng cao tinh thần đoàn kết, có ý thức xây dựng tập thể lớp ngày càng vững mạnh.

**II. NỘI DUNG SINH HOẠT**

**1.Ổn định tổ chức**

- Quản ca bắt nhịp cho cả lớp hát tập thể một bài.

- GV gợi ý các nội dung sinh hoạt trọng tâm.

**2.Tiến hành sinh hoạt**

- Các tổ trưởng báo cáo kết quả hoạt động của tổ mình trong tuần qua.

**3. Đánh giá các hoạt động tuần qua:**

- Nề nếp:

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

- Học tập:

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

- LĐVS:

……………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………..………………..

- HĐNG:

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..…………

**4. Kế hoạch tuần 5:**

- Duy trì tốt nề nếp quy định của trư­ờng, lớp.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác vệ sinh. Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch.

- Tiếp tục ổn định nề nếp đi học đúng giờ. Học và chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp.

- Soạn sách vở theo đúng thời khóa biểu.

- Thực hiện tốt xếp hàng vào, ra lớp.

- Thực hiện An toàn giao thông.

- Phát động phong trào thi đua học tốt dành nhiều hoa điểm tốt.

- Phát huy những ưu điểm đã đạt được.

- Khắc phục những hạn chế.

**6. Sinh hoạt văn nghệ**

- Hát cá nhân, hát tập thể.

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

**B. An toàn giao thông cho nụ cười trẻ thơ**

**BÀI 9: EM THÍCH ÐI XE ÐẠP AN TOÀN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- Nhận biết được tầm quan trọng của việc đi xe đạp an toàn.

- Học sinh nhận biết được những điều nên và không nên làm khi tự đi xe đạp để bảo đảm an toàn.

- Thực hiện nghiêm túc luật giao thông đường bộ.

**2. Yêu cầu cần đạt riêng:**

- Nhận biết được tầm quan trọng của việc đi xe đạp an toàn.

- Học sinh nhận biết được những điều nên và không nên làm khi tự đi xe đạp để bảo đảm an toàn.

- Thực hiện nghiêm túc luật giao thông đường bộ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Tranh, ảnh; xe đạp HS.

**2. Học sinh**: Sách ATGT cho nụ cười trẻ thơ.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu ( 5’)**  **\* Khởi động:**  - GV hỏi HS nêu ý nghĩa các nhóm biển báo đã học ở bài trước.  **\* Kết nối**:  ? *Em nào biết đi xe đạp? Các em có thích đi xe đạp không?*  - GV bổ sung và nhấn mạnh: Ði xe đạp Ià một môn thể thao rất thú vị và có ích cho sức khỏe, đồng thời cũng Ià một hình thức di chuyển thuận lợi và dễ dàng trong sinh hoạt hàng ngày. Tuy nhiên, nếu bị ngã xe đạp cũng rất đau và gây nguy hiểm cho các em. Vì vậy, chúng ta cần học cách đi xe đạp an toàn.  - Giới thiệu bài, ghi bảng  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (30’)** | - HS lắng nghe trả lời:  - 2,3HS trả lời.  - Lắng nghe | Lắng nghe  Khang nhắc lại. |
| **Hoạt động 1: *Xem tranh và tìm xem bạn nào đi xe đạp đứng cách và an toàn*** |  |  |
| - Cho học sinh xem từng bức tranh ở trang trước bài học.  - Chia lớp thành các nhóm, yêu cầu thảo luận theo câu hỏi.  Câu hỏi:*Trong số các bức tranh nhỏ,bạn nào đi xe đạp đúng cách và an toàn? Bạn nào đi xe đạp không an toàn?Vì sao?*  Sau thời gian thảo luận, đại diện nhóm TL  - GV bổ sung và nhấn mạnh: Bạn Bi trong bức tranh số 3 đi xe đạp đúng cách và an toàn. Bạn Bi ngồi ngay ngắn trên xe đạp, có đội mũ bảo hiểm và đi đúng làn đường dành cho xe đạp, sát mép đường bên phải.  Các bạn còn lại đi xe đạp không an toàn: | +Tranh1: Các bạn nhỏ đi dàn hàng ngang,vừa đi vừa nói chuyên, gây cản trở cho những xe khác.  +Tranh2: Các bạn nhỏ đi lạng lách, suýt đâm vào xe máy đi từ bên trái tới.  + Tranh 3: Bạn nhỏ dang 2 tay khi đi xe đạp, có thể bị ngã. | Quan sát tranh  Thảo luận cùng bạn.  HS Tuân nhắc lại ND tranh. |
| **Hoạt động 2: *Tìm hiểu những việc cần làm và không nên làm khi đi xe đạp để bảo đảm an toàn*** |  |  |
| - GV nêu câu hỏi: *Các em có biết đi xe đạp như thế nào là an toàn không?*  - Ghi lên bảng ý kiến của học sinh.  - GV bổ sung và nhấn mạnh  **1. Những việc nên làm trước khi đi xe đạp**  - Chọn xe đạp có kích cỡ vừa với vóc dáng. Có thể chống chân xuống đất thoải mái khi ngồi trên yên xe. Các em sẽ dễ dàng điều khiển và xử lí khi bất ngờ gặp tình huống nguy hiểm.  - Kiểm tra xe thật kĩ để đảm bảo mọi bộ phận đều an toàn và hoạt động tốt, đặc biệt là phanh, chuông, lốp xe. | - HS nêu.  - Lắng nghe. | Theo dõi  Lắng nghe. |
| **2. Những việc nên làm khi đi xe đạp**:  - Điều khiển xe đạp bằng 2 tay  - Luôn đi bên phải theo chiều đi của mình, sát mép đường, nhường đường cho người đi bộ,...  - Đi với tốc độ vừa phải  **3. Những việc không nên làm khi đi xe đạp**:  - Buông cả hai tay ( tranh 4)  - Ði xe dàn hàng ngang (tranh số 1):  - Lạng lách, đánh võng hay đuổi nhau (tr.2)  - Sử dụng ô  - Bám, kéo hoặc bay các phương tiện khác.  Ðứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái. |  |  |
| **\* Hoạt động 3: *Góc vui học*** |  |  |
| - Xem tranh để tìm hiểu  - Học sinh xem tranh để tìm hiểu  - Kiểm tra,đưa ra đáp án và giải thích  - GV bổ sung và nhấn mạnh:  *Xe đạp cho trẻ em là chiếc xe nhỏ hơn.*  *Bộ phận và chức năng tương ứng:*  *+ Mũ bảo hiểm: b, Bảo vệ đầu.*  *+Tay lái: e. Ðiều khiến xe đạp, rẽ trái hoặc rẽ phải.*  *+Má phanh :a.Kiểm soát tốc độ.*  *+ Chuông xe đạp : c. Ðưa ra tín hiệu xin đường.*  *+ Ðèn xe đạp: d.Chiếu sáng khi đi buổi tối.* | Mô tả tranh: Trong bức tranh là 2 chiếc xe đạp, 1 chiếc xe đạp của người lớn và 1 chiếc xe đạp của trẻ em cùng với các bộ phận liên quan đến an toàn của xe và lời giải thích về chức năng của các bộ phận đó.  Yêu cầu: Xem tranh, chọn chiếc xe các em được đi và tìm chức năng của các bộ phận an toàn của xe. | Lắng nghe và ghi nhớ về nhà thực hiện. |
| **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (5’)**  **\* Ghi nhớ và dặn dò:** | - Lắng nghe. | Lắng nghe |
| - Khi đi trên đường về, các em xem các bạn mình có đi xe đạp an toàn không? Hãy kể lại những hành vi không an toàn của các bạn đó. | - Thực hiện theo y/c. | Thực hiện theo y/c. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Mĩ thuật**

**BÀI 4. VẼ TRANG TRÍ: CHÉP HỌA TIẾT TRANG TRÍ DÂN TỘC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Yêu cầu cần đạt chung:**

- HS tìm hiểu và cảm nhận được vẻ đẹp của hoạ tiết trang trí dân tộc; HS biết cách chép và chép được hoạ tiết một vài hoạ tiết trang trí dân tộc; Học sinh chép được hoạ tiết cân đối, tô màu đều, trang trí phù hợp.

- Học sinh trưng bày, giới thiệu, chia sẻ và cảm nhận về bài vẽ của mình, của bạn; Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập, chủ động trong hoạt động học; Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận và nhận xét sản phẩm; Biết sử dụng công cụ, họa phẩm thực hành tạo lên sản phẩm.

- Thông qua trao đổi, thảo luận về các họa tiết của bài vẽ, nhận xét bài vẽ của bạn; Thực hiện các thao tác thực hành với sự vận động của bàn tay; Phát hiện và nhận xét ra những họa tiết và bức tranh đẹp hài hòa của bạn; HS yêu thích vẻ đẹp một số họa tiết, cách trang trí của người dân tộc; HS yêu quý, trân trọng và có ý thức giữ gìn văn hoá dân tộc.

**2. Yêu cầu cần đạt dành cho HS hòa nhập:**

- HS biết được để có sức khoẻ tốt phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn và thường xuyên thay đổi món.

- Biết cách chọn lựa các loại thức ăn tốt cho sức khoẻ và cân đối theo tháp dinh dưỡng.

- HS có ý thức uống đầy đủ và đa dạng thực phẩm để có đầy đủ chất dinh dưỡng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Sưu tầm một số tranh, ảnh mẫu hoạ tiết trang trí dân tộc; SGK, SGV và bài vẽ của HS năm trước; Hình gợi ý cách chép họa tiết.

**2. Học sinh:** Sưu tầm tranh ,ảnh hoạ tiết trang trí dân tộc; Giấy vẽ ,vở tập vẽ 4 ,bút chì, tẩy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **HSKT** |
| **1. Hoạt động mở đầu (5’)**  **\* Khởi động**  - GV cho cả lớp hát BH.  **\* Kết nối**: GV giới thiệu nội dung bài học.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (**8’)  **\* Khám phá:**  **Hoạt động 1:*Quan sát nhận xét*** | | |
| - GV giới thiệu hình ảnh về hoạ tiết trang trí dân tộc ở bộ ĐDDH.  *+ Các họa tiết trang trí là những hình gì?*  *+ Hình họa tiết trang trí có đặc điểm gì?*  *+ Cách sắp xếp hoạ tiết như thế nào?*  *+ Hoạ tiết trang trí được dùng ở đâu?*  \* GV bổ sung:  Họa tiết trang trí dân tộc là di sản văn hóa  quí báu của ông cha ta để lại ,chúng ta  cần phải hoc tập,giữ gìn và bảo vệ di sản ấy.  \* GV bổ sung và nhấn mạnh:  - Đường nét hài hòa cách sắp xếp cân đối  chăt chẽ. | + HS quan sát tranh và trả lời:  + Hình hoa, lá.  + Được đơn giản và được cách điệu.  + Sắp xếp cân đối.  + Ở đình, chùa, lăng, gốm,vải,khăn, áo….  Photo_0316  - HS lắng nghe. | Quan sát  Tuân nêu  HS nêu  Lắng nghe. |
| **Hoạt động 2: *Cách chép hoạ tiết.*** | |  |
| - GV hướng dẫn HS phác hình chung và vẽ các đường trục dọc, ngang để tìm vị trí các phần hoạ tiết.  - Hoàn chỉnh hình và tô màu. | + Quan sát và vẽ theo các bước.  + B1:Vẽ khung hình chung.  + B2:Vẽ các nét thẳng.  + B3: Hoàn chỉnh và vẽ màu. | Quan sát, thực hiện |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập (22’)**  **Hoạt động 3:*Thực hành.*** | |  |
| - GV yêu cầu HS chọn và chép hình hoạ tiết trang trí dân tộc ở SGK. | + HS vẽ theo các bước đã hướng dẫn.  + Quan sát kỹ hình trước khi vẽ.  + Vẽ màu theo ý thích. | Vẽ theo HD. |
| **Hoạt động 4: *Nhận xét,đánh giá.*** | |  |
| - GV cùng HS chọn một số bài ưu ,nhược điểm để nhận xét về:  - Gợi ý HS xếp loại bài đã nhận xét.  - GV nhận xét chung giờ học.  **\* Củng cố- dặn dò5’**  - GV hệ thống lại bài  - Dặn HS về nhà hoàn thành bài vẽ.  - Chuẩn bị đồ dùng cho bài học sau. | - Quan sát bài vẽ nhận xét về.  + Cách vẽ hình.  + cách vẽ nét.  + Vẽ màu.  - Tự xếp loại.  - Lắng nghe. | Quan sát  Tự xếp loại  Lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

..................................................................................................................................................................................................................................................................